TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Hai năm qua — *T. T.*
* Tùy hứng — *Cách Chi, Trúc-Khê,*
* Văn-hóa Đông-dương (I) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Việc thâu phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá (I) — *Hoài-Dũng*
* Tiểu học Đông-dương (II) — *Nguyễn Nhân*
* Quyển thi văn bình chú (IX) — *Ứng-Hòe*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, V) — *Phan khắc-Khoan*
* Tiểu-sử cụ thủ-khoa Nghĩa (I) — *Trực-Thần*
* Nhà văn hiện đại (quyển hai) — *Khiết-Phủ*
* Phê bình quảng cáo (I) — *Kiều-thanh-Quế*
* Nhân cuộc làm lễ truy-niệm cụ Thủ-khoa Nghĩa — *Lê-văn-Ngôn*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 98**
Thứ năm, 3 Juin **1943**

0$30

Hai Năm Qua!

TRONG khoảng thời-gian vô cùng-tận, trên đường tiền-đồ xa lắc xa lơ, Tri-Tân cùng các bạn, đáp theo tiếng gọi của Văn-hóa xứ-sở, đã cặm-cụi đi, mải miết đi, đi với bao nhiêu nỗ-lực âm-thầm, lặng-lẽ...

Ngảnh lại hai năm qua, mưa gió vẫn đòi phen gầm thét, sấm chớp vẫn bốn mặt bủa vang, chân trời vẫn phủ dày những lớp mây mờ ảm-đạm. Cái cảnh chớp bể mưa nguồn trong những đêm trường dằng-dặc không phải không là một cớ để cho những khách tri-thức thắc-mắc lo âu...

Thế mà chim kia nếu vẫn cất tiếng gọi bạn, rồi từ hang tối dời lên cây cao, rồi cùng nhau vỗ cánh thẳng bay, xông-pha mây ngàn gió núi, vượt qua bao cơn khó-khăn trong không-gian hàng ba nghìn dặm đường thì cái gắng-gỏi của đàn chim kia tưởng cũng đáng kể.

Dẫu vậy, muốn bay xa, tất phải từ gần ; muốn rịt tổ, tất phải nay làm một tý, mai làm một tý. Lúc [illegible]ày hơn lúc nào hết, chính là lúc [illegible]n phải thực hành câu « hợp [illegible] nên sức mạnh », đối với loài [illegible]m.

***

[illegible]hải, hai nam qua. Nhìn lại [illegible]ng bước đã đi trên đường [illegible]an-hóa », Tri-Tân nhờ sức các bạn ủng-hộ, cũng đã gọi là làm được một đòi tý trong muôn nghìn công việc còn phải làm.

Ngoài những mục về sử-học và văn-học bấy nay vẫn theo đuổi, Tri-Tân lại đương nhặt lượm những kiến-giải về từ-ngữ học và kiểm-điểm những sách mới ra.

Về loại trên, Tri-Tân đã đăng một liên-tục bài về phương-pháp đặt danh-từ khoa-học, để mong hái lấy những tiếng vang-dội trong khoa-học giới đối với một vấn-đề cần phải giải-quyết của dân-tộc ta như vấn-đề chế-hóa danh-từ khoa-học ấy.

Ngoài vấn-đề chuyên-môn đó, bản-chí lại có bàn về cách đặt danh-từ triết-học, hoặc đính chính những tiếng hiện đang dùng lầm, hoặc bàn cách làm cho việt-ngữ được phong-phú và thuần-túy.

Đối với những sách mới xuất bản, Tri-Tân tuy không dám tự mong là một cây bút lạm-bình, nhưng đã dâng mình làm tên lính trong toán quân « văn-hóa », không lẽ trốn-tránh mà không đóng một vai « kiểm-điểm sách vở » : Bản chí chỉ có ý đi kèm sát bên tác-giả mà xoát lại một lượt, chứng thực việc làm đã đầy đủ hay còn thiếu sót của người cầm bút.

Tri-Tân lại đang làm dần công-việc giới thiệu tư-tưởng, học-thuật Đông, Tây, mong làm sao cho những tư-tưởng ấy, học-thuật ấy, sau khi người mình đã hấp-thụ rồi, sẽ « ngấu nhừ » trong một lò văn-hóa chân-chính của nước Đại Nam, gây thành những chất tư-dưỡng có ích cho người mình, chứ không đến nỗi ăn nhiều món ăn « ngoại-lai » mà không tiêu-hóa được.

***

Đối với những bậc vĩ-nhân nước nhà, Tri-Tân đã làm những số chuyên san mà nhắc-nhở đến, ghi nhớ đến, là cốt để quốc-dân biết rằng nòi giống ta vốn không phải là nòi giống hèn kém, ông cha ta vốn không phải là hạng người lười biếng tầm-thường. Chính lịch-sử đã làm chứng công-cuộc Bắc cự, Nam tiến của dân tộc ta và in lại những nét văn-trị võ-công bằng những chữ vàng rực-rỡ. Phải chăng cái tinh-thần đặc biệt ấy đã dìu được « con thuyền » quốc gia vào « bến » tồn-tại trong bao cơn bão táp ba-đào ?

Phải chăng tấm gương lịch-sử ấy, bổn-phận buộc ta nay phải chăm phủi quét, chăm lau chùi, khiến cho nó như phát hiện một chân-thân tỏa ra muôn nghìn tia sáng trang-nghiêm chói lọi.

Nhưng đồng thời ta phải nhớ rằng đàn con cháu nghèo khó không nên thấy trong nhà thờ tổ

tiên có mấy chữ vàng mà nông-nổi tưởng mình giàu có, bọn công tử đầu óc rỗng-tuyếch đừng vội lên mình hay chữ vì được giữ mấy tủ sách của cụ cống ông nghè. Vì « đời cua, cua máy; đời cáy, cáy đào », ta nay không làm thì phải nghèo; không học thì vẫn dốt, chứ cái tiếng thơm của ông cha có làm cho người ta nhận lầm rằng ta giàu có hoặc hay chữ đâu.

Vả, như trong bài xã-thuyết ở số báo trước (T.T. số 97) đã nói, « bộ máy tiêu-hóa chung của một dân-tộc là do ở đại đa số cùng quay chuyển, chứ không phải riêng trông vào sức một người nào mặc dầu người ấy là vĩ nhân. »

Mấy lời trên đây, bản-chí mong, sẽ là những lời bổ chú vào những số chuyên san về mấy bậc vĩ-nhân nước nhà.

Mới đây, một bạn thân của bản chí có nói chuyện với chúng tôi :

— Tri-Tân nếu cứ theo được công-việc phát huy cái tinh-thần quốc-gia, mà làm cho đến nơi đến chốn thì chỉ bấy nhiêu cũng đã được việc lắm rồi.

Lời khuyên gẳng ấy thật vượt ngoài ý chúng tôi tưởng-tượng và vượt quá sức chúng tôi gánh-vác. Chúng tôi chỉ cố làm sao cho khỏi phụ lòng các bạn thân yêu đã kỳ-vọng : *xứng-đáng làm một cơ-quan để các bạn trao đổi ý-kiến trong khi làm việc gây dựng lấy một nền văn-hóa chân-chính cho nước nhà.*

***

Không dám làm công việc của nhà buôn, cứ mỗi nam lại dở sổ hàng xét xem đã buôn vào những hàng gì và bán ra những hàng gì ; song Tri-Tân chúng tôi chỉ làm phận-sự một quản-nhân : mở cuốn sổ tay đã ghi rõ những giai-đoạn hoặc đóng, hoặc tiến, hoặc giữ, hoặc đánh trong những giờ đầy kỷ-luật nghiêm-minh, trên bước lịch-trình vô cùng mạo hiểm.

Công chăng ? tội chăng ? Nghìn thu đã có công-luận.

Bổn phận người lính chỉ biết lúc nào cũng phải nai nịt gọn-gàng, giữ-gìn quân-luật, nắm vững tinh thần thẳng tiến mà không chịu lui.

Để khuyến-khích giúp-đỡ người lính ở tiền-tuyến, công việc ấy, lẽ đương nhiên, phải trông vào những bạn quí miến ở hậu-phương với những bàn tay nâng-đỡ êm-đềm, với những tiếng yên-ủi tha-thiết ngọt ngào và với tinh thần ủng hộ ân-cần chu-trí.

TRI-TÂN

TÙY HỨNG

Vịnh Lý-Ông-Trọng

Lý-Ông-Trọng, người Giao-chỉ, mình cao một trượng ba thước. Đời Tần, sang Tầu làm quan đến chức Hiệu-úy, đánh đuổi tan giặc Hung-nô. Sau khi ông chết, Tần Thủy Hoàng sai đúc tượng đồng to bằng thật, đặt trên thành Hàm-dương. Giặc Hung-nô ở xa trông thấy, tưởng ông còn sống, không dám vào cướp Trung-nguyên. Về sau, người Tầu gọi ông phỗng canh cửa là « Ông-Trọng »

Vóc lớn, tài cao, nghĩ cũng thừa,
Phí thân hữu dụng, việc tầm phơ.
Quân Hồ mất mật, câm mồm lại,
Dân Hán yên lòng, xệ bụng ra.
Mảng hám mầu danh nơi đất khách,
Lãng quên cái nợ chốn quê nhà.
Để danh bất hủ lưu thiên cổ,
Thiên cổ thành tên phỗng cửa chùa.

CÁCH CHI

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được *Ngập-Ngừng* (thơ) của ANH HUY giá 1$25

Xin cảm ơn tác-giả, nhà xuất-bả và vui lòng giới-thiệu cùng bạ đọc.

TRI TÂ

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 1

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHỮNG sách trước-thuật và những bài đang trên báo-chí gần đây, hễ có nói đến lịch-sử Đông-dương, thì phần nhiều chỉ kê-cứu ở mấy bộ sách xuất-bản từ 40 nam về trước, thành ra có nhiều điều các nhà khảo-cổ mới tìm ra, mà sách quốc-van không thấy nói đến. Bởi vậy, tôi tưởng nên lược dịch bài « Những nền văn hóa Đông dương (*Les civilisations de l'Indochine*) của ông G. Cœdès soạn bằng chữ Pháp để độc-giả nhàn-lãm. Bài này chỉ là một bài sơ-lược nhưng cũng có thể biết được dân Đông-dương chịu ảnh-hưởng ở những nước nào ?

***

Nhà tiền-sử xét Đông-dương về đường thượng-cổ, thấy những người giống nào ? Tất nhiên phải đào xuống từng đất xâu nhất, để tìm hai-cốt. Hiện đã thấy những bộ xương gần giống xương người Uc-châu (Australien), có cái gần giống xương người Mélanésien, có cái gần giống xương người Indonésien, về giống này thì có nhiều hơn. Còn như xương thuộc về chi Mông-cổ, tức là xương người Việt-nam ta bây giờ, thì ở từng đất sâu nhất không thấy có. Cứ như thế, theo khoa tiền-sử, lấy hài-cốt đào được ở lớp đất cổ nhất làm bằng-chứng, thì về đời thượng-cổ dân Việt-nam chưa tới Đông-dương, toàn là giống Mã-Uc-châu. Những dân này còn lại những đồ bằng đá, những gốm, đồ thủy-tinh và một ít kim-khí.

Cái văn-hóa cổ nhất là văn-hóa đá đục (*pierre taillée*) : ở Đông-dương thì hình như dân Mélanésien dùng đá đục trước tiên. Còn đến thời-kỳ đá mài (*pierre polie*) thì hình như của Indonésien chế ra trước hiện nay người Indonésien hãy còn có dòng-dõi ở miền rừng-rú, tức là dân Mọi, (Cao-miên gọi là Pnong, Lào gọi là Kha). Những đồ bằng đá ấy trông cũng giông-giống những đồ tìm thấy ở Âu châu, người ta thường gọi là « lưỡi tầm sét », phần nhiều dùng làm đục, làm búa, làm dao, v. v,

Đông-dương có hai thứ đồ đá khác Âu-châu, chỉ giống với đồ đá, của các xứ xung-quanh. Một là đồ bằng đá đục, nếu có mài thì chỉ mài chỗ lưỡi mà thôi : nhà tiền-sử gọi là loại Bắc-sơn, do tên núi đào được trước tiên.

Hai là cái dìu có mộng tra cán, một vài nhà khảo-cổ cho là của người Cao-miên và người Môn (hoặc Pégouan ở Diến-điện). Những thứ dìu này đào được ở tỉnh Kompong Chnang trong Cao-miên nhiều lắm, ở chỗ gọi là Samrong Sên.

Nước ta về vùng Thanh-hóa, Nghệ an có những đống vỏ trai vỏ ốc cổ, đào thấy nhiều đồ làm bằng xương. Xét ra có lẽ thuộc về thứ van-hóa mà hiện nay còn vết-tích từ Chà-và (Java) đến Nhật-bản.

Về cuối thời tân-thạch (*néolithique*) Đông-dương có một nền van-hóa cự-thạch-bi (*mégalithique*), lúc bấy giờ mới bắt đầu dùng kim-khí.

Bên Lào ở vùng Sầm-nứa có những tảng đá to dựng đứng ; ở Trấn-ninh có những cái chum đá to đựng xương người ; cả cái bãi để chum ở Xiêng khuông có thể gọi là bãi tha-ma. Trong Nam-kỳ, có một cái mả bằng đá to ở hạt Xuân-lộc, người ta đào thấy nam 1928.

Nhưng văn-hóa cựu-thạch (*paléolithique*) và tân-thạch ở Đông-dương không đồng-thời với Âu-châu ; thời-kỳ tân-thạch ở Đông-dương thì kéo dài mãi về sau : hiện nay có những dân qua cái trình-độ ấy, bây giờ mới bắt đầu sang thời-kỳ dùng đồ đồng, thế rồi có dân ở vùng xung-quanh tiến-hóa mau hơn, đem cái văn-minh lại cho.

***

Trong thời-kỳ tân-thạch, Đông-dương chịu cái ảnh-huởng van-

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Vân Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyen-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

hóa ở miền bể gồm, phía đông-nam Á-châu, và xứ Indonésie. Cái đặc-điểm của văn-hóa này là cầy cấy ruộng, tát nước, nuôi trâu bò, dùng ít kim-khí (những kim-khí này phần nhiều mua của Tàu) khéo chở thuyền bè: đó là về đường vật chất. Còn về đường xã-hội, thì theo mẫu-thống: người đàn-bà có một địa-vị quan-trọng: ngày xưa chỉ biết mẹ, chưa biết cha như bây giờ, ở nhà thì người mẹ làm chủ nhà, ra đến từng khu từng chòm, thì người đàn-bà làm tù-trưởng bắt dân trong chòm trong khu phải theo mệnh-lệnh.

Về phương-diện cúng-tổ, thì chia ra bọn người ở núi, bọn người ở bể, cúng ông vải, thờ thổ-công, thờ chỗ cao, chôn người chết vào trong chum hoặc trong tảng đá to. Tiếng nói thì dùng những tiếng đơn âm, dễ chắp tiếng trên và tiếng dưới.

Vào khoảng thế-kỷ thứ nhất sau Tây-lịch, Đông dương bắt đầu chịu cái ảnh-hưởng van-minh của Tàu và Ấn-độ. Vì thế người Pháp đặt tên Đông-dương là Indochine, nghĩa là Ấn-độ và Trung-hoa, sau người Nhật dịch là Ấn-độ Chi-na.

Đông-dương là chỗ hai van-hóa gặp nhau, là văn-hóa Trung-hoa và văn-hóa Ấn-độ. Hai nước ấy khai-hóa cho Đông-dương cách nhau không bao lâu, nhưng cái chủ-tâm và công-hiệu khác nhau xa lắm. Ảnh-hưởng của nước Tàu đối với phía Bắc Đông-dương (tức nước ta) bắt đầu từ thế-kỷ thứ hai trước Thiên-chúa, liên-tiếp mãi về sau, mà có tính-cách chính-trị, làm cho nước Nam như nước Tàu. Còn như ảnh-hưởng của Ấn-độ đối với những nước ở phía nam Đông-dương và ở dọc biển phía nam như Xiêm, Lào, Cao-miên, (Chiêm-thành) thì bắt đầu vào khoảng thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-chúa, nhưng có từng hồi một, chứ không liên tiếp như nước Nam đối với nước Tàu, mà cũng không phải thần-phục Ấn-độ, như nước Nam thần phục nước Tàu.

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

Ô thê khúc

Cô-tô đài thượng ô thê thì,
Ngô-vương cung lý túy Tây-Thi.
Ngô ca Sở vũ hoan vị tất,
Thanh sơn dục hàm bán biên nhật.
Ngân tiễn kim hồ lậu thủy đa,
Khởi khan thu nguyệt trụy giang ba.
Đông phương tiệm cao nại lạc hà?

LÝ BẠCH

Khúc Ô thê

Trên đài Cô-tô đàn quạ về,
Trong cung vua Ngô say Tây-Thi.
Ca Ngô múa Sở vui chưa dất,
Non xanh toan ngậm nửa vành nhật,
Tên bạc hồ vàng nước đã hao,
Trăng chìm dưới sóng, sóng sông nao.
Phương đông cao lên làm thế nào?

TRÚC-KHÊ dịch

HỒ BA BỂ
là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỂ?
xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỂ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai mầu.
in tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

Đón coi:

Cụ Thủ-khoa Nghĩa và tuồng « Kim thạch kỳ duyên »
của NGUYỄN ĐẠI LIÊNG

Nối lời Bac-sĩ Hézard, xét qua về Y-học phương Đông
của LIÊN GIANG

Gia thế họ Đinh ở Hàm-giang
của TIÊN-ĐÀM

Muốn mua lại những số báo **LOA** *này:*
2, 7, 8, 17, 35, 55, 60, 73, 75
Ai có xin cứ đem lại tòa báo Tri-Tân.

LỊCH-SỬ KỲ SỰ

VIỆC THÂU PHỤC NƯỚC THỦY-XÁ VÀ HỎA-XÁ

HOÀI DŨNG

Ngoài bài trúng giải nhất cuộc thi « lịch-sử kỳ sự » do Tri-Tân tổ-chức như đã đăng ở số 48 rồi, còn có bài trúng giải nhì, bài trúng giải ba đều xuất sắc lắm, nhưng tiếc vì một lẽ riêng, không thể đăng được. Nay nhân gặp ngày sinh nhật năm thứ hai của Tri-Tân, chúng tôi xin lục đăng bài trúng giải tư này để góp thêm chút ý nghĩa vào ngày kỷ niệm của bản chí. T.

THEO dã-sử, một việc buồn cười và vui nhất cho dân tỉnh Phú-yên về hồi vua Minh-Mệnh Thiệu-Trị là việc sứ hai nước Thủy-xá và Hỏa-xá xuống nạp cống-phẩm: Sứ-giả, tóc rễ tre, da đồng-điếu, mình bận áo cụt ngũ sắc, đóng khố, khệ-nệ tư mang cống-phẩm xuống đồn Phú-sơn (vào quãng miền Thạch-thành huyện Sơn-hà ngày nay). Viên quản đồn cấp cho một con ngựa để sứ-thần cưỡi cùng năm tên lính mang cống-phẩm cờ quạt rước tự Phú-sơn về đến tỉnh-thành ở Long-uyên (Tuy-an).

Sứ-giả đi đến đâu là người ta đổ ra xem chật cả đường. Đến Long-uyên, quan Thủ-Hiến phái người đại-diện bận triều-phục ra tiếp rước rất long-trọng; đoạn một tên lính mang áo mão quan thất-phẩm đưa cho sứ-giả bận, rồi viên tỉnh-thuộc chuyên làm tảo lễ tập cho sứ-giả lễ-bái, cho hợp phép, đoạn đưa vào bái-vọng ở hành-cung. Lễ xong, tỉnh-quan đặt tiệc hậu-đãi sứ-giả rồi ban cho ít nhiều đồ-vật mang về. Lúc về, cờ quạt trống kèn tiễn đưa sứ-giả lên đến tận đồn Phú-sơn thôi. Những lễ-nghi tiếp rước sứ-giả làm rất cẩn-thận theo đúng từ lời bộ Lễ tư.

Lúc bấy giờ, mỗi khi sứ-giả đến người ta nhao-nhao hỏi nhau, chỉ biết là sứ-thần nước Hỏa-xá và Thủy-xá, nhưng chẳng một ai biết hai nước ấy ở chỗ nào, lớn nhỏ thế nào, ngay các tỉnh-quan cũng không hiểu được rõ.

Cứ sử chép: năm canh-thìn (1470), vua Thánh-Tôn nhà Lê cất binh đánh nước Chiêm-thành bắt được Chiêm-chúa là Trà-Toàn, đuổi tướng Bô-trì-Trì về phía nam Thạch-bi-sơn (núi Bia ở biên-giới Phú-yên, Khánh-hòa). Chạy vào đến Phan lung, Bô-trì-Trì biết thế không chống được, liền sai sứ sang cống và xưng thần. Vua Lê Thánh-Tôn y cho, và muốn giảm bớt thế-lực nước Chiêm-thành, ngài chia đất Chàm làm ba nước: Từ Phan-lung trở vào là Chiêm-thành, từ Phan lung ra đến Thạch-bi-sơn là Hỏa-anh, từ Thạch-bi-sơn ra đến Đồ-bàn là Nam-phan.

Lúc bấy giờ vua Lê-Thánh-Tôn nghe đồn ở miền thượng-du nước Nam-phan đi lên có hai nước khác nữa (tức là Thủy-xá và Hỏa-xá), ngài muốn bắt hai nước ấy phải thần-phục và triều-cống như Chiêm-thành, song vì địa thế chưa được rõ đường-sá lại khó-khăn hiểm-trở, việc dùng binh chinh-phục đã khó, mà việc sai sứ lên dụ về hàng cũng không dễ, nên ngài phải đình việc ấy lại, rút binh về Thăng-long.

Nam mậu-dần (1579), Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng, sau khi trị yên được miền Đại-Chiêm, Đồ-bàn (Bình-định), sai trấn-biên-quan Lương-văn-Chính chiêu-tập lưu-dân vào khai-khẩn đất Phú-yên. Thấy bọn mọi Thủy-xá và Hỏa xá thường xuống quấy nhiễu miền Đà-rằng (Tuy-hòa) bắt cóc những lưu-dân mới đến lập nghiệp, ngài sai trấn-biên-quan phái người mang gấm, lụa, mão, đồ đồng, đồ huyền, đồ sắt, lên tặng cho vua Thủy-xá và Hỏa-xá và dụ về hàng.

Sứ ta lặn-lội, mạo-hiểm lên đến tận Đồ-thành (mấy chục túp nhà tranh). Vua Thủy-xá, Hỏa xá tiếp rước sứ rất tử-tế, rồi đưa đồ lâm-sản như kỳ-nam, hoàng-lạp, nhung, mật gấu và voi đực nhờ sứ ta đem về dâng chúa Nguyễn để tỏ lòng thần-phục.

Từ đó cứ 5 năm một lần, sứ ta lại mang đồ-vật lên tặng như vậy. Mãi đến năm quí-tị (1751), vua Thủy-xá và Hỏa-xá mới sai sứ mang cống-phẩm xuống Phú-yên-dinh xin thần-phục. Chúa Nguyễn-Phúc-Khoát truyền cho hai nước từ đó phải theo lệ ba năm xuống cống một lần. Kịp đến hồi có việc Tây-Sơn, hai nước bỏ không xuống cống.

Cứ theo lời sứ ta về tâu, thời hai nước Thủy-xá và Hỏa-xá ở gần nhau, chỉ cách chừng hai ngày

đường. Hai nước ở về miền huyện Sơn-hòa (Phú-yên) và miền Cheoreo (Pleiku) ngày nay. Nước Hỏa-xá ở về phía đông núi Bà-nam-sơn, (núi Bà ở miền Cheoreo), nước Thủy-xá ở về phía tây núi. Địa-thế hai nước rất hiểm-trở, rừng rậm, núi cao, thú dữ nhiều không kể xiết, thành thử việc thông sứ rất là khó-khăn.

Lúc bấy giờ người ta lại tin rằng dân hai nước ấy có nhiều pháp thuật rất bí-hiểm, họ có nuôi nhiều giống ma rất ghê-gớm. Cả hai nước đối với người mình đều là những xứ ma thiêng nước độc, chứa đầy những sự bí-mật rùng-rợn.

Tương truyền rằng người Chàm, khi bị đuổi ra khỏi đất Phú-yên, có giao lại cho vua Hỏa-xá giữ một cây gươm thần bằng vàng có nhiều phép rất mầu-nhiệm. Cây gươm ấy là quốc-bảo nước Chiêm, họ tin rằng gươm ấy còn thời nước còn, gươm ấy mất thời nước mất, vận mệnh nước nhà là ở nơi cây gươm. Vua Hỏa-xá được cây gươm ấy đem về thờ rất kính cẩn trong một ngôi đền sát chỗ vua ở. Dân-gian đến cầu cúng ở đền đều khúm-núm sợ hãy, không ai dám trông thẳng vào cây gươm. Họ tin rằng hễ người thường thấy gươm là bị tật bệnh. Thường những khi giời mưa mãi, mùa màng hư-hại, vua làm lễ cầm gươm chỉ giời, tức khắc giời nắng ngay, vì thế mà dân tôn làm Hỏa-vương, nước là Hỏa-xá. Tiếng cây gươm thần truyền ra, ở các nước lân-bang vua nào cũng ao ước muốn chiếm. Có nhiều vị sứ Cao-mên, Vạn-tượng, theo lệnh quốc-vương lần mò đến Bà-nam-sơn, định dùng mưu chiếm cây gươm ấy, nhưng hễ mới hỏi đến cây gươm, là dân ở đó sinh nghi, rủ nhau bắt giết đem hỏa-táng trước cổng làng. Có nhiều nhà sư bị bỏ mạng như vậy mà cũng chính vì cây gươm ấy mà nhà cổ-học Odendhal bị chết một cách thê-thảm. Việc này tôi sẽ kể sau.

Nước Thủy-xá cũng có một cây « đằng chiên » (roi mây) và hai khối bản thạch là vật linh-ứng để thờ trong đền. Hễ khi giời làm đại hạn quá, lúa bắp không mọc được, dân gian muốn cầu mưa, vua làm lễ cầm đằng chiên chỉ giời, thời tự nhiên giời mưa ngay. Vì thế mà dân tôn lên làm Thủy-vương, quốc-hiệu là Thủy-xá.

Dân-cư hai nước tức là Mọi Djarais ngày nay. Tiếng nói của họ cũng giống như tiếng chàm, mà giống người trông cũng tương-tự. Có nhiều nhà khảo cổ cho rằng bọn này nguyên là dân chàm, dần dần lần-lút vào miền núi rồi bị cải-hóa ra như vậy, nhưng sự thật giống Mọi này khác giống người Chàm, nhưng vì lâu đời phải trực-tiếp với người Chàm, nên tiếng nói của họ cũng bị ảnh-hưởng theo. (1)

(Còn nữa)

HOÀI-DŨNG

(1) Ý-kiến giáo sư Kern

學醫東亞

Muốn nghiên cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam...	3$50
Tính các vị thuốc.....	3.00
Khoa thuốc xứ nóng...	2.00
Khoa chữa Phổi.....	1.00
Khoa chữa mắt.....	1.00
Khoa chữa trẻ con...	0.80
Ngoại khoa.....	1.00
Sinh lý học.....	0.30

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điển (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

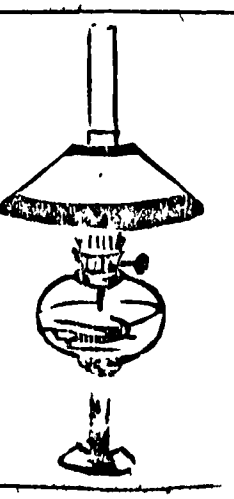

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 9 Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VI — Phan-thanh-Giản (bài nối)

« Năm Thiệu-Trị thứ 7, (1847) gặp kỳ đại-kế (xét tất cả công việc của các quan lại để thưởng phạt), vua dụ rằng : « Thanh-Giản làm những việc cơ-yếu, bàn tính việc ngoại biên, giúp đỡ chốn cấm-viên, công việc được thanh-thỏa, thăng Hình-bộ thượng-thư kiêm Cơ-mật viện đại-thần. »

« Năm Tự-Đức thứ nhất (1848) đổi sang bộ Lại ; lúc ấy ở Kinh-sư và các địa-phương bị hạn không mưa, cụ Phan thanh-Giản cùng với quan đồng-viện dâng sớ xin thú tội.

« Năm Tự-Đức thứ hai (1849) mới mở tòa kinh-diên, cụ Phan-thanh-Giản sung chức giảng-quan vừa gặp dân ở Tả-kỳ (Quảng-nam, Quảng-ngãi) phần nhiều phải bệnh lệ-khí, cụ cùng với cụ Nguyễn-tri-Phương điều-trần năm việc. Được đặc ân sung chức Tả-kỳ kinh-lược đại-sứ, lĩnh tổng-đốc Bình-phú (Bình-định và Phú-yên) gồm coi đạo Thuận-khánh (Bình-thuận và Khánh-hòa). Cụ Thanh-Giản cầm cờ tiết vào Nam dâng sớ nói hai việc : thương dân và binh. Vua khen thưởng cho 20 lạng bạc.

« Mùa xuân năm thứ bốn (1851), đổi làm chức Nam-kỳ kinh lược phó-sứ, nhưng lĩnh chức tuần-phủ Gia-định, kiêm coi các đạo Biên-hòa và Vĩnh-long, Định-tường, [illegible]-giang, Hà-tiên.

« Năm Tự-Đức thứ 5 (1852) [illegible]ng với chánh-sứ là Nguyễn-tri-[illegible]ương dâng sớ điều trần tám [illegible]việc, và xin trả cờ tiết đi sứ. Vua dụ ở lại, thưởng một tấm đại-kim-khánh có khắc chữ « liêm bình cần cán » (thanh-liêm, công-bình, siêng-năng, giỏi việc).

« Đến tháng 8 năm Tự-đức thứ 6 (1853) vua nghỉ cụ Thanh-Giản ở ngoài, khó nhọc đã lâu, vời về Kinh thăng hiệp-biện đại-học-sĩ, lĩnh thượng thư bộ Binh, sung chức kinh-diên và cơ-mật như cũ. Cụ Thanh-Giản bèn trần tấu các công việc nên làm ở Nam-kỳ, như vỗ-về nước Cao-miên, cứu vớt những điều khổ của dân, rộng ra ân-điển, sửa lại phép học và phép thi của học-trò, chế ra thứ xe trâu (hay bò) kéo, và sửa lại mả công-thần và cấp cho người trông nom mộ, tất cả sáu điều, vua đều huẩn cho thi-hành. Rồi sai làm tổng-tài soạn bộ *Việt sử thông giám tổng mục* (tức *Cương mục*).

« Năm Tự-Đức thứ chín (1856) gặp kỳ đại-kế, vua khen cụ là người thanh-liêm cần-thận, thưởng một cái bài bằng lương-ngọc.

« Năm thứ mười hai (1859) ở Đà-nẵng, Định-tường và Biên hòa có việc xảy ra. Cụ Thanh-Giản cùng với viện-thần điều-trần nói về mưu-kế chiến hay hòa và phòng giữ. Cụ lại dâng sớ, đại-lược nói là : « Thiên hạ rất rộng, công việc rất nhiều, ở chỗ việc rất nhiều, cai-trị chỗ rất rộng, cốt làm cho yên mà thôi. Theo sức người mà dạy, không khó nhọc mà thành công, noi phép mà cai-trị, quan-lại quen mà dân yên ; cho nên lợi không gấp trăm thì không đổi phép, công không gấp mười thì không đổi đồ dùng. Làm cái kế ngày nay cốt nhất nuôi dân chăm cày-cấy, nuôi lính đủ lương ăn : lưu ý như thế thì sức dân được thư-thả, mà quân có chỗ dạy, sức dân không bỏ phí, mà lương có chỗ ra, quân giỏi lương đủ, như nước chảy cuồn cuộn không hết, thì hoặc đánh, hoặc giữ, không việc gì là không nên, đối với việc dân yên nước thịnh, may ra bổ-ích đôi chút. »

« Vua khen : Lời nói đều có cốt yếu, bọn tân tiến không thể vi nổi. Chỉ nên thực lòng cố sức để giúp trẫm, đời sau chắc có tiếng khen. »

« Đến năm Tự-Đức thứ mười lăm (1862) quan nguyên-soái Pháp ở Gia-định đưa thư nghị hòa, các đình-thần xin cho xứ vào để bàn định. Cụ Phan-thanh-Giản và cụ Lâm-duy-Hiệp (hoặc Thiếp) xin đi, vua chuẩn cho hai cụ sung chức chánh phó sứ toàn-quyền đại-thần về việc nghị hòa, thân dót rượu ngự ban cho dụ làm việc cho khéo.

« Khi đến Gia-định, quan nguyên soái Pháp bảo nhường ba tỉnh Gia-định Định-tường và Biên-hòa, lại bắt bồi thường bốn trăm vạn bạc. Việc ấy tâu vua nghe, vua xuống dụ khiển trách, đổi cụ Phan-thanh-Giản làm tổng-đốc Vĩnh-long cùng với quan nguyên-soái Pháp bàn định công việc. Sau vì thương thuyết không được việc, bị cách, nhưng vẫn được ở.

« Năm Tự-Đức thứ mười sáu (1863) triệu về kinh, sung chức chánh-sứ sang Tây. Vua hỏi về việc ba tỉnh, quả là cân nhắc mà làm hay có ý gì khác. Cụ thưa rằng : « Xem kỹ thời-thế không thế không được. Tôi nay phụng-mạnh đi sứ, xong việc hay không xong việc, còn ở hai nước tôi chỉ biết hết

lòng hết sức mà thôi. » Năm sau, đi sứ về, được đổi làm Hộ bộ thượng-thư.

« Vừa gặp quan Toàn-quyền nước Pháp là Hà-ba-lý (Aubaret) tới Kinh, vua lại cho cụ Thanh-Giản sung chức Toàn-quyền đại-thần để cùng bàn-định. Khi lâm hành, vua ban cho bài thơ, khuyên cố làm việc sứ-mệnh. Bài thơ nguyên chữ Hán rằng : « Cổ nhân kiên trọng phụ, Lợi độn cự tiên tất. Duy dĩ thành-khổn phu, Quỷ thần tự khả chất. Bạo hổ do độ hà, Cuồng ngạc diệc tỷ thất. Thần phu bỉ hữu tri, Hà hoạn hồ cường phất. Gia danh nhân sở hiếu, Chí lý nhân sở khuất. Thiện ngôn nhân sở phục, Nghĩa khí nhân sở truật, Thiết thạch chung bất dĩ, Khê hác yên năng dật. An nguy tại thử cử, Khẳng tích kinh luân thuật. Vô ngôn dễ mặc hội, Niên lai cửu thân mật ». Nghĩa là : « Người xưa vai mang nặng, Sắc nhụt đâu dám chắc ? Chỉ lấy lòng thành bày-tỏ, Có chất vấn quỷ-thần. Hổ dữ còn qua sông, Cuồng-ngạc cũng dời chỗ. Phương-tri là giống hữu-tri, Lo gì những việc ngang trái. Tiếng tốt ai cũng muốn, lẽ phải ai cũng chịu, Nói hay ai cũng phục, Nghĩa khí ai cũng sợ, Như sắt đá không dời được lòng, Như khe suối không tầy lấp được. Yên nguy ở chốn này, Chớ tiếc tài kinh-luân. Không nói đã hiểu ngầm, Bấy lâu càng thân-mật ».

« Năm Tự-đức thứ 18 (1865), tháng hai gặp kỳ tế Giao, vua sai cụ Phan-thanh-Giản sung chức nhiếp-tế. Năm ấy cụ 69 tuổi, dâng sớ xin hưu, đại-lược nói rằng : « Tôi vốn không có tài-nghề gì, ngày thường tự nghĩ chưa báo đền được tý gì, đương lo cố sức để mong báo đáp, không ngờ bóng tang-du đã muộn, tự biết tinh-thần sức-lực kém hẳn ngày xưa. Thân đương vào chỗ trần lỵ bận rộn, việc phần nhiều quên sót, nghĩ lại người đời 70 tuổi, như thân bồ liễu, đã trải nhiều năm ; tuy cái tình quyến-luyến có thành thực, nhưng sức ngựa đã kiệt, rất sợ làm việc không nổi, để đến nỗi nhầm lẫn công việc. » Vua an-ủi rằng : « Nhà ngươi nên cố gắng để khuyên người hậu-tiến. Kinh *Thi* có câu rằng : « Ngày xưa vua Văn vua Võ chịu mệnh Trời, có ông Thiệu-công mỗi ngày mở nước rộng thêm trăm dặm. Nay ta mỗi ngày hẹp đi trăm dặm. Vẫn biết người đời nay không bằng người đời xưa. Mỗi khi đọc câu thơ ấy chẳng xiết đau lòng ! »

« Gặp bấy giờ đốc-thần ở Vĩnh-long là Trương-văn-Uyển, tâu về tình-hình ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Vua nói rằng : « Chỗ biên-thùy xa cách, thực khó giữ; nếu được người nào họ vốn tín phục, may ra yên được ». Đoàn-Thọ và Trần-liễu-Thành đều cử cụ Phan-thanh-Giản. Vua cho cụ sung chức kinh-lược đại-thần, tha tội cách lưu, để mong hiệu quả về sau.

« Cụ Phan-thanh Giản đã được khai-phục, dâng sớ trần tình rằng : « Tôi cùng cố-thần Lâm-duy-Hiệp, tình như nhau, việc giống nhau, tôi chưa có công gì, may được khai phục. Cố-thần ở dưới đất chưa được ơn trên nhuần thấm, trong lòng tôi tự lấy làm không yên, xin ban cho ân mệnh, lại được như cũ. » Vua nói rằng : « Trẫm có lòng thương bầy-tôi mong báo-đáp ; ngươi có lòng tự trách mình, nhớ người cũ, thực là « lưỡng tân » (hai bên đều phải đạo). Duy-Hiệp chưa xong việc mà đã mất, chỉ mong ngươi cố sức làm việc để được ơn lây. Ngươi có lòng ấy thì cái kỳ-vọng không phải là ít, ngươi nên cố gắng lo toan ! » (Dịch trong *Đại-Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 26, tờ 25 a — 29 a.)

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu

Óc khoa học của *P. N. Khuê* giá 2$20.

Đó là cuốn sách mới ra của nhà xuất bản Hàn Thuyên chớ đăng trong tập Văn Mới 11 và 12.

Ông P. N. Khuê trong văn giới không phải là một cây bút xa lạ. Các sách trước của ông như những cuốn « *Một sức khỏe mới* », « *Nghị lực* » và « *Nguồn sinh lực* » đều đã được các người đọc hoan nghênh về cách lập luận của ông vừa rõ ràng vừa chắc chắn,

Trong cuốn *Óc khoa học* này ông phê bình những cách nhận thức « khiếm khuyết » của người mình, xét óc khoa học qua triết học (óc kinh nghiệm, óc biện chứng vân vân) rồi sau rốt ông trình bầy một vài cách rèn luyện ri xét-đoán.

Cuốn sách có ba phần và mỗi phần có chia ra từng chương nhỏ: người đọc thấy dễ lĩnh hội những ý tưởng của tác giả,

Những cuốn sách như cuốn *Óc khoa học* này đáng được mọi người hoan nghênh và tác giả vì công phu và suy nghĩ chặt c[illegible] Chúng tôi xin giới thiệu cuốn sá[illegible] đáng đọc ấy cùng các bạn c[illegible] Tri Tân.

MẠNH-PHÁ[illegible]

VẤN-ĐỀ « HỌC »

TIỂU HỌC ĐÔNG DƯƠNG

(bài nối) NGUYỄN NHÂN

« Trường sơ-học dậy con trẻ nước Nam, vẫn ở nước Nam, mà không dùng tiếng Nam, đó là điều trái-ngược có một không hai. Đó lại là điều khiến cho thí-sinh học không được giỏi...»

Đây là ý-kiến ông Phan văn-Trường trong báo « L'Annam » cũng về hồi ấy và vấn-đề ấy :

« Dân trong một nước học các khoa mà phải dùng thứ tiếng khác hơn tiếng nước mình, tưởng không có gì sỉ-nhục và nguy-hiểm hơn nữa...»

Nhờ có sự cổ-võ của báo-chí trong Nam ngoài Bắc và nhờ vào sự sáng suốt của các nhà cầm quyền hồi ấy nên bắt đầu từ vụ khai-trường năm 1925, trong khắp các trường học Việt-nam ở ba kỳ, ba lớp đồng-ấu, dự-bị và sơ-đẳng đều học bằng tiếng Việt-nam và sách học thì soạn bằng chữ quốc-ngữ. Tiếng Pháp cũng có dạy nhưng chỉ dạy trong các bài tập đọc, ám-tả, luận-văn thôi. Còn các môn sử-ký, cách-trí, địa-dư, toán-pháp đều dùng sách quốc-ngữ hết. Cái bằng « Sơ-học yếu-lược » cũng do nghị-định năm 1924 đặt ra để kết-thúc 3 năm bậc sơ-học.

Đứng trước kết-quả này, hẳn các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn phan Long, v. v... phải được hài lòng. Không đâu ! Sở dĩ các ông nhọc lòng phấn-đấu bấy lâu, là cốt xin cho cả bậc tiểu-học, từ đồng-ấu lên cao-đẳng, gồm 5 lớp, đều học bằng tiếng Việt-nam và sách quốc-ngữ.

Đây là cái chương-trình của ông Phạm-Quỳnh công-bố trong báo « Avenir du Tonkin » năm 1922 :

« Theo chế-độ hiện-thời, đứa trẻ Việt-nam phải học không dưới số bảy năm... Theo cái chế-độ chúng tôi đã phác-họa, các môn học sẽ dậy bằng tiếng Việt-nam, thì kể cả các việc, muốn thi bằng Sơ-học Việt-nam, không hơn 5 năm ; vì phải nhận rằng đứa con trẻ học điều chi dậy bằng tiếng nó thì dễ hơn và mau hơn là dậy bằng tiếng ngoại-quốc. Trọn 5 năm ấy, nó không chỉ học tiếng Việt-nam mà thôi đâu ; nó cũng học tiếng Pháp nữa, một tuần học nhiều giờ, nhưng học theo phương-diện tiếng ngoại-quốc và theo một phương-pháp trực-tiếp ; đứa trẻ ấy sẽ học các tiếng nói thường dùng, cách đặt câu, cách nói chuyện thông-thường và cần nhất là học dịch tiếng ra.

« Theo cách học mới chúng tôi vừa đề-xướng, đứa con trẻ Việt-nam không học hơn năm năm thì đã được văn-bằng sơ-học Việt-nam. Nó sẽ lời được hai năm. Hai năm ấy, sẽ học tại trường chúng tôi gọi là « trường dự-bị Pháp-học » sẽ lập tại các tỉnh-lị hay là các phủ huyện lớn. Vào đó, đứa trẻ chỉ học ròng tiếng Pháp ; nó chỉ học tiếng Pháp mà thôi, và học với các ông giáo người Pháp có tài, lại cũng ôn-nhuần các môn học Việt-nam nó đã học ngày trước...»

«... Chúng tôi không thể không nhớ rằng cái thuyết của chúng tôi không thể làm cho mọi người vừa ý được, và chúng tôi biết trước rằng muốn dứt cho mau sự cãi-lẽ, thì trong đảng phản-đối sẽ có kẻ sâu-hiểm nói rằng cái thuyết chúng tôi là do nơi lòng bài Pháp. Đó là cái lý cuối cùng của những kẻ không viện được cái lý nào khác hơn...»

Cái chương-trình mà Phạm tiên-sinh phác-họa ra năm 1922 thì 8 năm sau ta lại thấy tiên-sinh hăng-hái bênh-vực ở Đại-hội-nghị kinh-tế lý-tài Đông-dương.

Những đoạn văn sau đây trích dịch trong tập biên-bản những phiên họp của Đại-hội-nghị năm 1930.

Người khởi-xướng vấn-đề này ở kỳ Đại-hội-nghị ấy là ông Nguyễn phan Long :

«... Dậy các điều tri-thức bậc sơ-đẳng cho trẻ con cả nước mà dùng thứ tiếng khác chứ không dùng tiếng bản-xứ, phép giáo-dục đó quyết là sai lầm. Các ông làm thế, cái kết-quả thật chán ngán thay. Khi thi bằng sơ-học, các bài toán là chữ Pháp, các thí-sinh dự-bị đi thi nhọc-nhằn cực-khổ vô cùng...»

Tiếp lời ông Nguyễn phan Long, ông Phạm Quỳnh đứng dậy nói rất nhiều và rất hăng hái. Đây tôi chỉ xin trích-dịch một đoạn thôi :

«...Thưa các ông, vấn-đề của bạn đồng-nghiệp chúng ta là ông Nguyễn phan Long vừa khởi-xướng lên đó, quả là vấn-đề rất hệ-trọng, không nên xem thường, vì có quan-hệ đến cả tiền-đồ việc giáo-dục trong nước.

Về phương-diện đó, tôi tưởng có một việc cải-cách to-tát nên làm ; nên sửa đổi cả cái chế-độ

bậc sơ-học từ trên đến dưới. Phép dậy ở trường sơ-học nên dùng tiếng bản-xứ ; các nhà đương-cục đã cho dậy ba lớp đầu, sao lại không tiến thêm hơn nữa ?

Sao lại không đặt ra cái bằng sơ-học cho thi toàn là tiếng bản-xứ cả ? Dậy tiếng Pháp nên dậy như tiếng ngoại-quốc mà không nên dùng làm tiếng cơ-quan (langue véhicule)...»

Năm 1931, nhân dịp ông tổng-trưởng bộ thuộc-địa Paul Reynaud sang thăm Đông-dương, chỗ này chỗ kia có đệ lên ngài những tập thỉnh-cầu. Trong một tập nhan là « Réception de M. Paul Reynaud » tôi có thấy đoạn này liên-lạc đến việc học ở xứ ta :

«...Tưởng làm như sau này có thể vừa lòng phái muốn học toàn chữ Nam và phái muốn học toàn chữ Pháp :

— Dậy luân-lý và các điều tri-thức thông-thường bằng quốc-ngữ, dùng sách quốc-văn giáo khoa thật nhiều.

— Làm chứng cái học đó, đặt lệ thi bằng sơ-học, các bài viết các bài vấn-đáp bằng tiếng An-nam, có phụ thêm hai bài chữ Pháp : bài ám-tả và bài luận-văn về một đầu-đề rất giản-dị...»

Ta nên nhớ rằng mấy chữ « bằng sơ-học » đây là chỉ cái bằng tốt-nghiệp mà ông Phạm Quỳnh đem đặt vào cuối năm học thứ năm. Đỗ bằng ấy rồi, muốn lên bậc trên, phải qua hai năm học toàn tiếng Pháp.

Tôi vẫn hằng để tâm đến chế-độ giáo-dục ở nước nhà. Tôi đã suy-nghĩ nhiều về vấn-đề này và tôi thấy rằng chương-trình mà ông Phạm Quỳnh công-bố năm 1922, nhắc lại năm 1930, thật hay vô cùng. Muốn cải-cách bậc tiểu-học của người Việt-nam thì không thể làm thế nào hoàn-mỹ hơn thế nữa.

Tôi xin lạm bàn vài điều thuộc về chi-tiết để thực hành chương-trình đó.

Bậc tiểu-học của ta chính-thức sẽ có đủ 5 lớp : đồng-ấu, dự-bị sơ-đẳng, trung-đẳng, (một trung đẳng thôi) và cao-đẳng. Tất cả các môn học như luân-lý, cách-trí, sử-ký, địa-dư, vệ-sinh, toán-pháp, đều học bằng quốc-ngữ, trong suốt 5 lớp. Từ lớp sơ-đẳng đến lớp cao-đẳng, trong 3 năm ấy, có thêm khoa Pháp-văn, dậy trong cái bài tập đọc, ám-tả, luận-văn, tập dịch : ở lớp sơ-đẳng, mỗi tuần 5 giờ, ở hai lớp trên học nhiều hơn. Hai lớp dưới cùng (đồng-ấu, dự-bị) không có những bài Pháp-văn ấy. Hiện nay, chính ở Trung-kỳ học trò lên đến lớp sơ-đẳng mới bắt đầu học Pháp-văn, cũng mỗi tuần 5 giờ thôi, chứ không phải học ngay từ lớp đồng-ấu như ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ.

Hết 5 năm, nghĩa là hết lớp cao-đẳng, sẽ có kỳ thi tiểu-học toàn bằng quốc-văn, có thêm những bài thi Pháp-văn không bắt buộc (épreuves facultatives), đại-khái có một bài ám-tả một bài luận, một bài tập dịch. Ai đủ nốt về 3 bài pháp-văn này thì trên văn bằng tiểu-học, sẽ chua thêm « mention de français » y như kiểu cái bằng mà ta quen gọi là « sơ-học yếu-lược ».

Ở những phủ huyện nhỏ trường nào chỉ có 3 lớp đồng-ấu, dự-bị, sơ-đẳng, gọi là trường sơ-học, và bằng tốt-nghiệp là bằng sơ-học, thi toàn bằng quốc-văn, không có bài Pháp-văn. Ta nên phân biệt điều này : bằng « sơ-học » là bằng kết-thúc 3 năm học đầu, còn bằng « tiểu-học » là bằng kết-thúc cả 5 năm học. Lại còn một điều nữa rất cần : trong trường tiểu-học, học-trò lớp sơ-đẳng được tùy ý thi hay không thi bằng sơ-học nhưng không thi cũng vẫn tự-nhiên lên lớp trung-đẳng như thường, không phải qua kỳ thi nào khác cả. Riêng học-trò ở ngoài đến, phải có bằng sơ-học mới được vào lớp trung-đẳng và tùy theo chỗ ngồi có thừa hay không : thừa thì mới lấy học trò ngoài vào, không thì thôi. Như vậy để tránh sự bắt buộc học-trò, vẫn ở một trường mà phải qua một kỳ thi mới được từ lớp sơ-đẳng lên lớp trung-đẳng.

Học trò các trường sơ-học, đã bằng sơ-học rồi, muốn học nữa thì làm thế nào ? Họ có thể xin vào lớp trung-đẳng trường tiểu học công nếu còn chỗ ; nếu không thì học tư hay học lấy, vì điều kiện thi bằng tiểu-học sẽ dễ dãi như thế này : hoặc là học đủ 5 năm tiểu-học, có học-bạ làm chứng ; hoặc là có bằng sơ-học hai năm trước năm thi bằng tiểu-học, bất cứ hai năm ấy học trường công, trường tư hay học lấy đều được cả.

Ở các trường tiểu-học những tỉnh-lỵ hay thành-phố có đặt thêm

(Xem tiếp trang 21)

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Nhị nương :

Hiện bà đương lánh nạn chốn lều tranh
Nhưng đêm nay hồi giăng tắt lúc sang canh,
Ta sẽ đến... rồi đưa bà tẩu thoát,
Việc cần phải làm nhanh trong chốc lát...

Phạm thái :

Vậy đêm nay ta quyết sẽ cùng đi,
Dùng mưu cơ mà cứu thoát Hoàng phi.

(Cả ba người cùng đi vào. Màn chuyển bày ra một cảnh nhà tranh). (1)

Cảnh II

(Bà Hoàng phi thêm những người trên)

Âm nhạc : tứ đại oán

Hoàng phi :

Còn đâu nữa ôi ngai vàng rực rỡ !
Đâu lầu cao nghiêng bóng dưới trăng ngà,
Đâu gác thắm khi chiều buông rộng mở
Đón hương nồng thơm nức của muôn hoa,
Quân vương ơi trong gian phòng tam tối,
Thiếp mơ chàng tuôi nổi ở phương xa.
Nơi phương xa mây mờ ngăn chân lối :
Nẻo đi về hồn thắm của hai ta.
Quân vương ôi ! từ nay thôi tiện thiếp
Không còn mong trông thấy nữa long nhan ;
Hãy nấn ná đợi chờ cho hết kiếp
Rồi... nơi suối vàng mang nặng khối hờn oan.

Quang ngọc ra :

Vâu lệnh bà kiệu mã đã chờ bên,
Vâng lệnh bà sắm sửa kíp lên yên.

Phạm thái :

Vâng lệnh bà vội vã sắp ra đi,
Vì một phút chờ là một phút gian nguy...

Nhị nương :

Bà Hoàng phi,
Trời ơi, trong những bước lưu ly.

Hoàng phi :

Nhị nương hỡi, trời ơi, ôi bỡ ngỡ
Ta đã tưởng cùng em không gặp gỡ...

Nhị nương :

Tâu lệnh bà đây hai bậc trung thần
Đã mấy đời dày đội hoàng ân,
Đương mưu sự phục thù cho tổ quốc.

Hoàng phi :

Các tướng sĩ đã hết lòng trung nghĩa,
Thờ quân vương tổ quốc chẳng sai lòng,
Thân mọn này trong những bước tòng vong,
Xin khâm phục tấm gương hùng nghĩa khí.

Quang ngọc :

Thần đẳng vốn con dòng nho sĩ
Phải hết lòng cho trọn nghĩa tôi trung
Kể làm chi tân khổ với lao lung,
Khi lòng đã nặng tình vì tổ quốc.

Nhị nương :

Đường u tối mà lẽ nào lên đuốc,
Thôi, hãy xin bà nán lại suốt đêm nay,
Rồi tinh sương khi ánh rạng chân mây,
Thần đẳng sẽ hộ giá người lên xứ Lạng...

Phạm thái :

Thần tử đã quyết hy sinh vì nghĩa nặng

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-liệu thuyết của Khái-Hưng

Số 5 PHAN-KHẮC-KHOAN

Vậy cùng lệnh bà xin bái biệt lui ra,
Để rồi đây cùng đến Lạng sơn xa.

(Q. N. N. N. P. T. ra)

Hoàng phi (một mình) :

Lạng sơn xa,
Nơi rừng xanh và núi rậm,
Nơi non nước ngàn trùng xa thăm thẳm,
Ngất trời cao đứng dựng trấn biên cương ;
Nơi còn mong gặp gỡ được quân vương ..
Giờ đây chắc hoang mang nơi đất khách,
Niềm tư hương khuya sớm chẳng khuây lòng,
Giờ đây chắc nơi trời xa trở cách,
Người vẫn còn căm giận bước long đong...
Riêng ta cứ đường kim và mũi chỉ,
Lòng trung ái vẫn một niềm chung thủy ;
Để đợi ngày gây lại cảnh hiên ngang.
— Chim trời xa đương nhớ bến mênh mang...

Bà Hoàng phi đi vào khuất. Màn vẫn đứng yên. Đèn ở trong tắt. Rồi một tấm màn mỏng có thể trông thấy qua được buông xuống cách tấm màn ngoài một khoảng hẹp. Phía sau màn là cảnh « Annam dinh » bên Tàu. Đèn lại sáng lên (2).

Cảnh III

Cảnh Annam dinh bên Tàu.

(Cảnh sơ sài và u tịch. Vua Lê nằm trên sập rồng dựa lưng vào một chồng gối. Một tên thị vệ đứng hầu, cầm quạt và bưng chén thuốc ; bên cạnh một hương án trên có lư trầm và đèn nến. Vua Lê rất mệt nhưng cũng gắng-gượng).

Âm-nhạc :

« Nam-ai văng vẳng »

Lê Chiêu-thống :

Chư khanh ơi, trải bao lần khám khổ,
Vua tôi cùng phiêu bạt đến quê người
Mong xây lại cơ đồ đương sụp đổ
Cho trong ngoài trăm họ được yên vui.
Nhưng ngán nhẽ trời cao không đoái tưởng,
Để vận nhà suy đốn nước lâm nguy
Đày thân thế tòng vòng đà vất vưởng,
Riêng trẫm còn đau chịu cảnh sầu bi.
Hồn trẫm sẽ bay về nơi cực lạc
Hay sẽ về u uất dưới diềm cung ?
Nhưng các ngươi trên đường trần tản mác
Biết bao giờ qua khỏi bước lao lung ?
Chư khanh ơi, đây phòng sao lặng lẽ
Đâu ngôi vàng chói lọi của nhà Lê ?
Và non nước hơn nghìn năm rực rỡ
Không còn mong thấy trẫm lại quay về.
Bao lâu nay nơi phương trời lận đận
Trẫm hằng mong nhớ tưởng tới hoàng phi
Ái phi ơi, bao giờ nguôi nỗi hận
Đã vì ta lâm phải bước lưu ly ?
Khi sắp phải xa hồn thân gói liệm
Ta chỉ còn mong gặp gỡ được hoàng phi
Còn đâu kẻ chung tình âu yếm
Lau dùm ta đôi giọt lệ lâm ly ?
Đây chiếc nhẫn kim cương lồng ngọc bích
Xin trao ngươi gởi lại ; nộp hoàng phi
Xin trao lại cho người đây vết tích
Của lòng ta không một chút suy vi.
Thế là hết : còn đâu ôi vận hội
Đâu cơ đồ khai sáng của tiên vương
Trời rực rỡ vừng dương vừa chói lọi
Bỗng mây đây đêm xâm bóng thê lương.
Thế là hết ôi trung thần nghĩa sĩ
Đã từng quên tính mệnh tính giúp quân vương
Trẫm xin cúi đội mang ơn hùng vĩ
Khi linh hồn siêu thoát chốn tha hương,
Chư khanh ơi hãy lên đèn sáng tỏ
Đốt hương trầm cho nghi ngút trời cao
Cho thăm thẳm chín từng xanh thấu rõ
Cho hồn ta chóng thoát được phiêu Dao.

(Vua Lê thăng hà)

Âm-nhạc : « Nam ai »

Như tùng :

Đây đất khách hoang mang lòng cảm xúc
Đây lư trầm man mác tỏa tuôn hương
Đây gió lạm trong sương mờ rộn khóc
Đưa linh hồn u uất của quân vương
Quân vương ơi nơi quê người ảm đạm
Bầy tôi trung đương nung nấu cả tim gan
Tưởng đất khách cùng nhau nương nâu tạm
Nhưng thôi rồi, hy-vọng của giang san

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

(1) Đoạn sau đây về cảnh « Annam dinh » bên Tàu là một cảnh huyền ảo, một cảnh phụ (Scène Superposées), một quan niệm mới, nhưng nếu khó thực hiện, có thể bỏ đi cũng được.

2) Cách « *dàn cảnh* » về lối chuyển » — một ý mới, có thể nói một sự phát minh trong kịch giới xin nói sau với những chỉ tiết cách « *dàn kịch* ».

DANH NHƠN NAM-KỲ

TIỂU-SỬ

CỤ THỦ KHOA NGHĨA

(1807 — 1872)

Số 1

TRỰC THẦN

Bùi-hữu-Nghĩa (裴有義) cũng gọi là *Ngãi* (1), hiệu *Nghi Chi* (宜之) sanh tại *Long-tuyền thôn, Định-thới tổng, Vĩnh-định huyện, Định-viễn phủ, Vĩnh-thanh trấn* (về sau dưới triều minh-mạng đổi lại là An-giang tỉnh, bây giờ là Cần-thơ).

Tuy con một kẻ thuyền chài, *Bùi-hữu-Nghĩa*, lúc bé, thông minh, hiếu học, xem đâu hiểu đó. Cái thiên bẩm sáng suốt ấy lại đi đôi với một nhơn cách hiên ngang tự phụ, cho nên, dầu tài cao học rộng, hoạn đồ không được vẻ vang.

Ít năm sau khi theo đòi nghiên bút, *Nghĩa* có được một học lực kha khá ; một nhà cự phú họ *Ngô* ở chung làng mới nhờ cậu thơ sanh dĩnh ngộ ấy làm bạn đồng hành để cùng con là cậu *Du* lên tùng học với ông đồ *Hoành* ở tận trên Biên-Hòa. Đó là một dịp may cho ông thân sanh trò *Nghĩa*, tức cụ *Bùi-hữu-Vi*, gởi con đi lần vào hoạn lộ. Lên đến Biên-hòa, hai cậu ăn ở nơi nhà ông bạch đàm hộ trưởng (2) *Nguyễn-văn-Lý*.

Nghĩa học mau tấn phát, không [illegible], vượt bực vượt ngôi, rất được [illegible]y khen, bạn mến, nhứt là ông [illegible]ý đã sẵn nuôi một ý định từ [illegible]à : khi bước thang mây thênh [illegible]n rộng mở thì ông tân khoa [illegible]-hữu-Nghĩa sẽ được chọn làm [illegible]ng tế. Cái duyên mặn mà với trưởng nữ *Nguyễn-thị-Tồn* tức *Diệu* sẽ làm phần thưởng xứng đáng dành riêng cho anh học trò khó ấy vậy.

Năm ất vị (1835) nhằm năm Minh-mạng thứ 16, *Bùi-hữu-Nghĩa* đậu giải-nguyên, kỳ thi hương ở Gia-định (3). Lúc ấy, *Bùi* được 29 tuổi. Năm sau lại ra Huế để thi hội, nhưng rớt tấn-sĩ. Người ta thuật rằng, vào chầu đức Minh-mạng, cụ có xin cho về học lại đến khoa sau ra ứng thi rồi sẽ lãnh tước phục triều-đình. Đức Minh-mạng cho rằng cụ có ý không khứng khuông phò dưới triều ngài nên bắt tội và lên án « *giữ ngự điền* » trong ba bữa mới cho về bái tổ vinh quy (4). Bước đầu của hoạn lộ đã thấy mối không may rồi !

Khi hồi hương, cụ không ghé lại nhà ông Hộ *Lý*, thẳng đường đi ngay về Bình-thủy. Cô *Nguyễn-thị-Tồn* tức *Diệu*, người đã thầm ước thầm mơ cái ngôi bà thủ khoa, mới đến nằm đầu võng mà « *dạy* » cho ông « *tấn-sĩ hụt* » một bài học về lễ giáo. Cụ *Nghĩa* biết phục thiện và tạ lỗi. Ghé lại nhà ân nhân ; sau một bữa tiệc linh đình, khao thưởng, sau những lời hẹn hứa về tương lai, cụ trở về làng cũ nhờ chị cả là bà hai *Thừa* lên tận Biên-hòa hỏi cô gái lớn của ông Hộ *Lý* làm chánh thất.

***

Cụ được bổ nhậm chức tri-phủ Phước-long, tỉnh Biên-hòa. Nhờ tài cao học rộng, được triều-đình để ý, bước đầu tiên cụ đã vượt bực (lẽ ra thì cụ chỉ được bổ tri-huyện). Ở đấy, cụ làm lễ thành hôn với bà *Nguyễn-thị-Tồn*, tức *Diệu*, là người sau nầy sẽ giữ một vai quan-hệ trong cuộc đời của cụ.

Cụ Thủ-khoa Nghĩa là một vị quan thanh liêm, chánh trực, luôn luôn kình chống với kẻ bề trên, chẳng khi nào chịu phục lụy dưới một uy-quyền. Bao giờ, cái tánh ngang tàng cứng cỏi ấy cũng là một trở lực lớn lao trên con đường làm quan của cụ.

Trấn nhậm Phước-long ít lâu, không được lòng kẻ « *bề trên* », cụ bị « *tâu, bẩm* » thế nào mà phải truất xuống chức tri huyện và thuyên bổ đi trấn huyện Trà-vang, tỉnh Long-hồ (bây giờ là Trà-vinh), dưới quyền quan tổng-đốc *Trương-văn-Uyển* và bố-chánh *Truyện*.

Ở đấy, cái tánh cang-trực của cụ lại gây ra lắm sự thù hiềm và ngay ở đấy cả cái tòa lâu-đài nguy nga sụp đổ, cụ mất ngôi tri-huyện và bị án làm một anh tiền quân !

Vì sửa-trị một cậu công tử quá tự kiêu, tự đắc (5) — cậu công tử ấy lại là em vợ của quan Bố-chánh — cụ Thủ-khoa *Nghĩa* đã kết oán cùng vị thượng quan ấy. Ôm canh cánh cái hờn bị kẻ dưới tay làm nhục, ông Bố *Truyện* lo

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

tìm một cơ-hội để phục thù một cách cay độc. Thì cái cơ-hội tình-cờ lại đến : đó là vụ thủy-lợi ở Láng-thé.

Nguyên thuở lưu-lạc, đức *Nguyễn-Ánh* được dân Mán Thổ ở Trà-vang quyên giúp lương phạn rất nhiều. Khi tức vị, Thế Tổ Cao hoàng-đế có ban một chiếu-chỉ miễn thuế thủy-lợi con rạch Láng-thé, cho dân cư được đời đời cộng hưởng.

Về sau có một tên khách trú đem của lo cùng quan Tổng-đốc và Bố-chánh đầu tỉnh được trọn quyền mua thủy-lợi con rạch ấy. Thổ dân uất ức, nhưng vì cô thế không chống cự nổi với bọn tham-nhũng, mới kéo nhau đến thưa cùng quan huyện Trà-vang. Biết cái chỗ lộng phép của hai vị đầu tỉnh, cụ Thủ-khoa không thể không xử được. Cụ mới dạy bọn thổ dân rằng nếu có một ai lớn hơn đức Thế-tổ phê bản rạch ấy thì chúng phải ép lòng cam chịu, bằng một kẻ nào nhỏ hơn đứng ra bán thủy-lợi thì chúng cứ « chém đầu » cũng không sao.

Vì ngu muội, thổ dân nghe lời ấy lấy làm đắc chí, ra về gây nên những cuộc xô xát đổ máu và « *cáp duồng* » (6) đến mấy mạng người. Khi bị bắt, chúng cứ khai ngay lời quan huyện dạy bảo. Bằng theo lời khai ấy, quan Tổng-đốc khép cụ Thủ-khoa vào tội « *xúi kẻ giết người và làm loạn* ». Ngài hội công-đồng, gồm có quan Tuần-phủ, Án-sát và Bố-chánh, để nghị-luận và lập án. Cụ Thủ khoa *Nghĩa* bị giam tại đề-lao Long-hồ.

Sau khi nghị-luận, Hội công-đồng lên án « *xử tử* » cụ Thủ-khoa *Bùi-hữu-Nghĩa*, chỉ còn đợi phê-chuẩn của Triều-đình là cái đầu của kẻ cang trực, của đấng anh tài đành chịu rơi dưới ngọn đao của tên đao thủ phủ.

(*Còn tiếp*)

TRỰC THẦN

(*trong Tây-đô văn đoàn*)

Thống chế Pétain đã nói :

« *Hỡi các bạn thân qui, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố* ».

Ai chưa biết chữ nho ?
Ai muốn học thêm chữ nho?
nên mua quyển
CHỮ NHO
HỌC LẤY
Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn
Giá 1$00 — cước thường 0$12 — đảm bảo 0$32
không gửi lĩnh hóa giao ngân — Để cho :
hiệu Đông Tây 195, hàng Bông — HANOI
Các tiệm sách mua buôn có hoa hồng hậu

(1) Ở Nam-kỳ, có người đọc chữ 義 (nghĩa) là *ngãi* hoặc *ngỡi*, ở làng Long-xuyên ai cũng gọi cụ Thủ-khoa là Bùi hữu *Ngãi*.

(2) Bấy giờ, ở Biên-hòa có cái tục thâu đêm trắng (đêm đương bằng lá buôn) thay vì tiền thuế. Nên có cái tên *bạch đàm hộ trưởng* để chỉ vị hộ trưởng cot về việc thuế má.

(3) Mười năm về trước, (khoa ất-dậu) cũng tại trường Gia-định, cụ Phan-thanh-Giản đậu cử nhơn. Có câu truyền-tụng: *Đồng-nai có cặp rồng vàng, nhứt Bùi hữu Nghĩa, nhì Phan tuấn-thần.*

Về khoa ất-vị này (1835) có hai điều đáng nhắc :

Điều thứ nhứt — Nó là khoa thi đầu tiên sau khi định « *tam trường thi pháp* », nghĩa là cử-tử phải qua *trường nhứt* với văn *Bác-cổ* một bài *truyện*, một bài *kinh*, đến *trường nhì* với *thi* và *phú* : thi thì dùng Đường luật thất ngôn, phú thì theo thể nhà Minh nhà Thanh bên Tàu ; nhiên hậu mới vào *trường ba* để làm *văn sách* và vào *phúc hạch* để làm một bài *hạ biểu*.

Điều thứ nhì — Nó không theo lệ « *Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu* » vì bấy giờ Nam-kỳ đang ở vào lúc loạn Lê-văn-Khôi, nhà vua e nho sĩ học tập phép thi mới chưa thuần nên cho triều khoa Ngọ qua năm Mùi.

(4) Theo lời cụ đốc *Trương*, một danh nho đồng thời với cụ Thủ-khoa, khi ra Triều-đình Huế, cụ Thủ-khoa nhờ giọng tốt được cử xướng lễ trên đàn Nam-giao. Đến lễ thứ nhì cụ xướng lộn là « *Sơ hiến lễ* ». Trong khi tiếng của cụ còn ngân ngn, đức Minh-mạng liếc cụ Lễ bộ thượng-thơ để thầm trách cứ cái lỗi xướng lộn ấy. Cụ Thủ-khoa nhận thấy kịp sự lầm lộn mới xướng tiếp luôn « *Sơ hiến lễ... dĩ thành, thỉnh hành á hiến lễ* ». Đức Minh-mạng có thưởng cụ một nén vàng về cái tài bạt-thiệp.

Lại thuật khi cụ trở về Nam-kỳ đi ngang một ngôi chùa có ông Phật bốn tay, có làm bài tứ tuyệt này :

Phật bốn tay, Phật bốn tay,
Tiếng đồn năm trước đến năm nay,
Đường mây ta đã xung xang bước,
Cõi tục mi còn vẫn bẩn đây ?

Cụ đốc Trương phê-bình rằng có lẽ vì sự ngạo-nghễ ấy mà cụ Bùi-hữu-Nghĩa « *mất đức* » nên chịu truân-chuyên về hoạn-lộ, (ông Nguyễn-đại-Liên nói hình như bài nầy của cụ Cử Trị ông Nguyễn-văn-Giai, cháu ngo[illegible] cụ Thủ-khoa, lại bảo là của ông [illegible] hữu-Tú. Tôi cứ xin chép ra đây, [illegible] những nhà khảo cổ dạy lại).

(5) Đã phạt cậu công-tử ấy [illegible] roi, cụ còn đánh gởi bố Truyện [illegible] roi về tội không biết dạy và thả [illegible] vợ lêu-lổng.

(6) Tiếng thổ nghĩa là chém đ[illegible]

« NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI »

(quyển hai)

của Vũ-ngọc-Phan

— KHIẾT PHỦ viết —

ÔNG Vũ ngọc-Phan vừa cho xuất bản tập thứ hai quyển *Nhà văn hiện đại* (1) của ông. Viết bài này, tôi không có ý phê-bình tập sách vì nó mới là một phần của một bộ sách lớn chưa ra đời hết. Tôi chỉ nhân đọc nó, muốn bàn về cái phương-pháp phê-bình của Vũ-quân.

Theo ý tác-giả thì tập *Nhà văn hiện đại* chỉ là một tập phê-bình văn học chứ không phải là một quyển văn-học sử, vì vậy ông không « *phải xét tác phẩm của nhà văn qua thân thế của nhà văn,... phải tìm cho ra những tôn chỉ và lý thuyết về văn học của mỗi nhà... phải nghị luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong trào văn-học một thời mà kết luận thật tường tận* » (N.V.H.Đ. tr. 281).

Tôi nhắc lại, là nhà phê-bình văn học, ông cho là không thuộc trách nhiệm của ông, việc :

— xét tác-phẩm của nhà văn qua thân-thế của nhà văn ;

— tìm cho ra những tôn-chỉ và lý-thuyết về văn học của mỗi nhà ;

— nghị-luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong-trào văn học một thời mà kết luận thật tường tận.

Công-việc của ông có thể chỉ ở trong sự định giá-trị *từng tác-phẩm một* của mỗi nhà văn.

Ông rất có quyền làm như thế, đó là sự tự-do của ông, sự tự-do không bờ bến của một nhà phê-bình.

***

Ta hãy xem ông định giá-trị từng tác-phẩm thế nào.

Muốn biết cái chân giá-trị của một văn phẩm tất phải biết những cái hay và cái dở của nó, nêu được những cái hay, những cái dở là đã làm song công-việc định giá-trị rồi. Chắc tác-giả nghĩ thế — mà nghĩ thế đã chí lý lắm — nên hầu hết các bài phê-bình của ông có hai đoạn, một đoạn khen những cái hay, một đoạn chê những cái dở; tôi có cảm tưởng như trong nhiều bài, ông không muốn chê, nhưng vì đã đặt công việc như vậy nên ông cũng phải tìm một cái gì, dù rất nhỏ, để chê.

Theo cái nguyên-tắc ấy, ông phê-bình từng tác-phẩm một của nhà văn. Tôi lấy thí-dụ bài ông nói về những sách của ông Trần trọng-Kim :

« Ông bắt đầu nói đến quyển *Sơ học luân lý* xuất bản năm 1914, quyển *Sư phạm khoa yếu lược* xuất bản năm 1916. Về hai quyển này, để định giá-trị, ông nhắc lại lời phê-bình của ông Phạm Quỳnh : « Sách trước của ông anh là sách *Tiểu học luân lý* nay đã được tái bản, thế cũng đủ biết rằng sách ấy thực là đối với một sự yêu-cầu rất khẩn của bọn thiếu niên đi học trong nước ta. Sách mới của ông anh là sách *Sư phạm yếu lược* này, thiết tưởng cũng là đối với một sự yêu-cầu không khẩn kém gì của bọn làm thầy dạy trẻ nước nhà... ».

Tiếp đến quyển *Sơ học An-nam sử lược*. Về quyển này, cũng như hai quyển trên, để định giá-trị, ông nhắc lại lời phê-bình của *Đông-dương tạp chí* : « Ông Trần-trọng-Kim mới soạn ra bộ *An-nam sơ học sử lược*, chia ra làm năm thời-đại, công khảo cổ đã tiêm tất, mà văn kí sự lại tường minh ; mỗi đời có những chính trị, phong hóa, giáo dục, công nghệ và nhân-tài đều kê cứu mà ghi chép cả. Nhà làm sách lại tùy việc mà thêm lời bình luận, có tân lý tưởng, khiến cho nhà đọc sách ai cũng biết công đức tổ tiên gây dựng là nhường nào ; thực là một kho sử rất mới, rất hay, ích lợi cho bọn thiếu niên ta lắm ». (N.V.H.Đ., tr. 14—15).

Rồi đến quyển *Việt-Nam sử lược*, quyển *Nho giáo*. Về quyển sau này đại khái ông nhắc lại rằng khi ông Trần trọng-Kim xuất bản bộ *Nho-giáo*, ông Phan-Khôi trong *Phụ nữ tân văn* đã khen là một bộ sách có giá-trị nhưng chê nhiều đoạn :

«Trong quyển Nho giáo (quyển nhất, in lần thứ nhất — 1930) Trần trọng-Kim có viết: « Đối với cuộc tạo hóa thì Khổng-phu-tử cho rằng lúc đầu ở trong vũ-trụ chỉ có cái lý vô cực tức là đời hỗn-mang mờ mịt không rõ là gì cả. Lý vô cực ấy tức là lý thái cực ». Phan Khôi liền bẻ rằng: « Ấy là cái thuyết vô cực nhi thái cực *của Chu đôn-Di nhà Tống, chớ Khổng-tử không hề nói như vậy...*

« Trần trọng-Kim hồi đó có trả lời lại Phan Khôi về điều trên này: « nói rằng Khổng-tử chỉ nói thái cực, chứ không nói đến vô cực thì quả thật như vậy. Cái tôn-chỉ của Khổng-giáo là chỉ nói cái động thể, không nói cái tĩnh thể của vũ trụ. Song biết đâu Khổng-tử đã đi học Lão-tử lại không nghĩ đến vô cực? Vì trước khi có cái có tất phải có cái không... »

« Đó là những lời cãi gượng... »

Ông cũng nhắc lại rằng, ông Ngô Tất-Tố, tác giả tập *Phê bình Nho giáo*, khen và chê bộ *Nho giáo*, khen là quyển sách « có công với nền văn học nước nhà », chê là nếu ông Trần trọng-Kim cho chữ *quân* của Khổng-tử có nghĩa là *quân-quyền* thì sai.

« Còn theo ý Ngô-tất-Tố, chữ quân *của Khổng-tử không có nghĩa là* quân quyền *như Trần-trọng-Kim đã nói. Sự thực thì cái lối* trung quân *của Khổng-tử là « trung với bản thân những người làm đế, làm vương ». Rồi ông cử những việc sau này làm bằng chứng: trong kinh* Xuân thu, *Khổng-tử không bỏ sót một ông vua nào mà không chép* công tức vị, *cho đến Hoàn-công là kẻ giết anh để cướp ngôi, Khổng-tử cũng chép* công tức vị *như thường; « lại khi Ai-công say đắm nữ nhạc, biếng nhác chính sự, ngài đã định bỏ ngôi quan, nhưng lại chờ cho đến lúc tế giao không chia phần thịt cho các đại phu, mới đi, để khỏi lộ cái tội mê gái của vua »; rồi Khổng-tử đã biết Chiêu-công là người không biết lễ, nhưng khi viên thái-tể hỏi thì ngài lại đáp là có biết, chỉ vì Chiêu-công là vua của ngài nên ngài không dám nói xấu.*

« Những lý trên này của Phan Khôi và Ngô tất-Tố đều là những lý vững vàng và có căn cứ, vậy không thể bảo ông vua cũng như ông thống-lĩnh, chế độ quân-chủ cũng như chế độ dân chủ chỉ khác có cái danh chứ cái thực vẫn không khác, và không thể bảo quân *nghĩa là* quân quyền *được » (N. V. H. Đ. trang 39-40).*

Sau quyển Nho giáo *là quyển* Phật lục, *quyển* Việt-nam văn phạm *« quyển* V. N. V. P. *cũng là một quyển biên tập công phu » nhưng cũng có nhiều cái sai lầm: « Trong quyển* Grammaire annamite *(bản dịch Việt-nam văn phạm ra tiếng Pháp) « cái nhà ở » tác giả dịch là: la maison* d'habitation *để ghép chữ ở là tiếng động-tự (verbe) đóng cái vai danh-tự túc-từ, (complément de nom). Thật ra hai chữ* nhà ở *(dịch ra tiếng Pháp là những chữ:* demeure, habitation *hay* domicile) *có thể coi là tiếng danh-tự kép, chẳng cần gì gò bó vào tiếng Pháp cho thêm khó hiểu » (N. V. H. Đ. trang 45).*

Đọc những điều trên, bạn đọc có thể nhận được cái phương-pháp phê-bình của Vũ quân thế nào.

Tôi có cảm tưởng muốn phê-bình những tác-phẩm của một nhà văn, ông đem tất cả những tác-phẩm ấy đặt trên bàn, ông đọc, đọc hết quyển này đến quyển khác. Trong khi đọc ông ghi ra phần trắng của những trang một vài ý nghĩ: « Tác giả hiểu nhầm *thái cực* với *vô cực* », « tác giả hiểu nhầm nghĩa *quân* với *quân-quyền* ». Đọc xong ông lần lượt chép những lời ghi lên giấy, thế là bài phê bình của ông đã xong.

Làm như vậy có khi ông ghi cả những điều nhỏ quá, có khi đãng trí ông bỏ qua những điều rất quan trọng. Ông cho ta biết cả rằng trong mấy câu thơ của ông Nguyễn văn-Ngọc:

«... Sao quá hợm mình,
Xét xem ai trọng ai khinh đã nào,
Nấm tôi vua chúa nấu xào:
Còn ai, cho lợn cám nhào với sung »

«...chữ ai *dùng thừa và hai chữ* với sung, *ở dưới không thích hợp trong lời đối thoại. Một là dùng chữ* ai *thì thôi không dùng hai chữ* với sung, *còn đã dùng hai chữ* với sung *thì cần phải bỏ chữ* ai ».

(Còn nữa)

KHIẾT PHỦ

1) *Tân-Dân Hanoi*

BÁN ĐẤT

Vì không dùng muốn bán:
1·) 3.000 thước đất giá 20$ một (ở Chợ Mơ cũ Bạch Mai).
2·) 2.500 thước giá 15$ một
Hỏi: ô. Phạm-mạnh-Phan số 34 Ngõ Mai Hương
BẠCH-MAI

PHÊ BÌNH QUẢNG CÁO

KIỀU-THANH-QUẾ

ỐI phê bình quảng cáo của nhiều nhà báo ở nước ta (và cả ở nước Pháp nữa !) chỉ giá trị bằng những lời rao của bọn trẻ bán báo — không hơn không kém !

Hoặc nhận tiền của nhà xuất bản, hoặc cảm tình riêng với tác giả, các nhà phê bình quảng cáo « hạ giá » ngòi bút, viết lên mặt báo những lời ca ngợi quá đáng, xem hở hênh đến buồn cười.

Họa chăng họ muốn bắt trước Joubert bảo rằng : « Khi các bạn tôi chột mắt, thì tôi nhìn ngang chúng » (Lorsque mes amis sont borgnes, je les regarde de profil).

Họ thật đáng cho Voltaire chửi độc-địa bằng câu này : « Người ta hãy ở các nước tân tiến nhiều kẻ làm nghề bình giả chuyên nghiệp, cũng như thiên hạ đặt ra nhiều đứa giữ việc xem xét lưỡi heo, đặng xét coi các súc vật người ta đem ra chợ có đau ốm không » (on a vu dans les nations modernes des gens qui se sont établis *critiques de profession*, comme on a établi des langueyeurs de porcs, pour examiner si les animaux qu'on mène au marché ne sont pas malades). (1)

Phê bình quảng cáo ! Trong một bài báo (2), Hoa-Bằng cho đó là *liệt-điểm* của bình giả. Nhưng theo thiển ý, đó là *nhu-điểm* của nhà phê bình.

Vâng, bình giả sở dĩ hạ thấp giá trị ngòi bút xuống làm việc quảng cáo chính bởi quá nhu nhược để cho các tác giả, các nhà xuất bản không chân chính mua chuộc bằng nhiều ngón tinh ngoan.

1) *Các ngón tinh ngoan của tác giả.* — Nhà phê bình và tác giả quen nhau Còn gì hay bằng ! Vì ngoài tác phẩm tác giả, nhà phê bình còn cần hiểu biết tác giả thêm nữa... mới mong viết nên một bài phê bình khám phá. Đáng lẽ nên thành thật giúp nhà phê bình hiểu rõ mình, nhiều tác giả lại làm mờ ám bình giả bằng những bức thư, những lời đề tặng sách rất dua mị.

Hồi tôi còn lạm bút phê bình trên báo *Mới*, một nữ thi sĩ đất Thần kinh có gởi tặng tôi một tập thơ. Sau đó ít lâu, nữ thi sĩ ấy gởi cho Đông Chi (một biên-tập viên của báo *Mới*) một bức thơ trong đó có nhắc đến chuyện tặng sách cho tôi và thêm : «...anh (Đông Chi) trao lời lại K. T. Quế, nhờ ông ấy phê bình giúp cho một tay ; vì sách không bán chạy, chẳng thiệt gì cho tác giả, chỉ tội nghiệp cho nhà xuất bản bỏ tiền ra in !»

Những lời ấy tưởng còn chưa thiết yếu bằng những lời này của các tác giả Pháp gởi cho nhà phê bình, do Henry Bidou thuật lại trong một buổi diễn thuyết (3) :

«...Ấy là bổn phận của những kẻ có thế lực công việc bắc bực tiang mậy ngắn ngủi cho những kẻ chưa có thế lực.»

«...Tôi quả là một tuổi trẻ ; đây là tác phẩm thứ nhứt của tôi.»

«...Ông đã biện hộ cho tôi. Ôn, đã làm tổn hại danh dự ông vì tôi. Bây giờ ông không thể bỏ tôi được !»

«...Tôi chuộng một đàn-hặc của ông hơn lời khen tặng của những kẻ khác ; và nhứt là tôi chuộng sự đàn-hặc ấy hơn sự im lặng của ông. Tôi sẽ biết ơn những lời phê bình của ông.»

« Trong tủ sách của các nhà phê bình, người ta sẽ bắt gặp những lời đề tặng sách của các tác giả, đại để :

« Kính tặng nhà phê bình..., với mong ước rằng quyển sách này sẽ được hài lòng ông hơn quyển trước.»

« Kính tặng ông... mà duy chỉ những lời phê bình của ông mới có giá trị đối với tôi.»

Cũng có một vài tác giả thật khôn khéo nhờ nhà xuất bản gởi sách tặng nhà phê bình giùm, với giòng đề tặng khắc bản gỗ in vào trang đầu sách như vầy : « Tác giả vắng Hanoi (hay Saigon) xin cáo lỗi không thể ký tên ở đây được.»

2) *Các ngón tinh ngoan của nhà xuất bản.* — Ở nước ta gần đây có vài nhà xuất bản đăng quảng cáo sách mình xuất bản trên các báo, không chịu in tên tác giả, mà trưng lên to tướng tên nhà học giả

đề tựa. Làm như chỉ nhà học giả đề tựa ấy mới đáng kể thôi. Còn tác giả là đồ bỏ! Sao lại thế! Nhà học giả kia dầu yêm bác đến đâu cũng vị tất đã có công phu nhiều bằng người viết ra cuốn sách để cho ông đề tựa!

Nhưng làm việc trái lẽ ấy, nhà xuất bản cũng có cái lý của ông ta. Vì ông ta có phải bán tên tác giả đâu, mà chính bán tên người đề tựa kia!

Còn trích lời ban khen của nhà phê bình, lại là công việc cơm bữa của các nhà xuất bản. Trong một bài phê bình, sao khỏi có khen, chê. Thế mà nhà xuất bản chỉ trích lục những lời khen thôi. Các nhà phê bình thấy người ta trọng lời phê của mình, trích đăng hết báo nay đến báo khác, cũng lấy làm tự hào và không đả động đến mần chi!

Có nhà xuất bản lại tự phụ có thể thay thế bình giả đánh giá tác phẩm. Chính Bernard Grasset trên báo *Figaro* đã trình bày nhiều ý kiến buồn cười, đại để:

— Còn ai biết rõ quyển sách hơn nhà xuất bản của nó? Nhà xuất bản của nó đã chọn lọc nó, nếu lầm lạc thì còn gì!... Thử hỏi nhà phê bình nào băn khoăn về sự chọn lọc một quyển sách bằng nhà xuất bản của nó?

Dễ thường cùng nghĩ theo Bernard Grasset, nên lắm nhà xuất bản Pháp tưởng có thể hướng dẫn nhà phê bình, nên thường viết cho họ nhiều bức thư dạy khôn họ. Chúng tôi xin theo Henry Bidou lược thuật hai bức thơ dạy khôn bình giả của một nhà xuất bản Pháp.

« Bạn thân-ái,

« Tôi có hơi bối rối mà gởi cho anh những trang hay nhứt của quyển tiểu thuyết tôi sắp phát hành trong năm mười ngày đây. Tôi không biết phải viết cho anh làm sao.

« Thiết tưởng tôi nên bảo anh vắn tắt rằng: « Tôi gửi cho anh đây một tuyệt phẩm, bởi tôi tin chắc rằng quyển... là một kiệt tác ». Nhưng tôi còn ngại ở anh có một phản động lại ý kiến táo bạo ấy của tôi nên tôi thấy cần tiếp thêm một đoạn phê bình ngăn ngắn.

« Đem trình bày năm nay hai quyển sách mà tôi say đắm, tôi không muốn anh có lúc nào khả dĩ nghĩ rằng tiếng kiệt tác mà tôi dùng mạng danh hai quyển ấy lại là một phương tiện quảng cáo hèn mạt của tôi. Nếu thế thì tiếng ấy làm phật ý anh hơn là quyển rũ anh.

« Tôi rõ biết hơn ai hết những điều người ta có thể bắt bẻ tiếng ấy; và mới dễ dàng làm sao việc dùng tiếng ấy ca ngợi quyển sách hay đối với một nhà xuất bản! Thế nên, tôi xin anh đừng đếm xỉa tới tiếng ấy mà tôi muốn thâu lại, để anh khỏi khước từ nó. Và tôi chỉ xin anh để ý đến sự hâm mộ không dè dặt của tôi đối với quyển sách tôi hôm nay gởi tới biếu anh đây thôi.

« Và nhứt là tôi thấy không thể tha thứ cho tôi được bởi đã dùng tiếng ấy trước anh, nếu một may tự ý anh, anh cũng muốn dùng tiếng ấy để mạng danh tác phẩm tôi vừa gởi đến.

« Ngoài ra tôi còn muốn quên ý kiến riêng của mình để đặt tất cả sự quảng cáo lên trên những lời phê phán của các bình giả và của các bực trí thức được tín nhiệm... Tôi sẽ cảm ơn anh lắm nếu sau khi đọc xong quyển sách ấy, anh có nhã ý bảo cho tôi biết anh nghĩ về nó như thế nào. Đôi giòng anh gởi cho tôi về vấn đề ấy sẽ có một giá trị to tát đối với tôi, dẫu rằng anh không muốn tôi đem công bố nó ra.

« Nơi đây, anh hãy tin ở những cảm tình tốt đẹp nhứt của tôi ».

Ít lâu sau, khi đã tiếp được thơ phúc đáp của nhà phê bình, nhà xuất bản lại gửi thêm bức thơ nữa.

« Bạn thân-ái,

« Muốn thi hành việc phô bày cuộc trưng cầu ý kiến của tôi cùng các nhà phê bình trong nước đối với quyển tiểu thuyết mới sắp phát hành trong vài ngày đây, tôi sẽ hân hạnh nếu anh có nhã ý cho tôi biết anh bằng lòng để tôi công bố ra những lời của anh trong thư trước hay không.

« Tôi tưởng cách lặp đi lặp lại những lời ca ngợi đối với một quyển sách mà tôi [illegible] thích ấy chắc cũng chẳng là [illegible] phật lòng anh bao nhiêu. Khô[illegible] chừng anh còn tìm thấy trong đó một giải quyết cho vấn đề quảng cáo về văn chương đan[illegible]

(*Xem tiếp trang 21*)

DIỄN-VĂN KHAI MẠC

TRONG DỊP LÀM LỄ TRUY NIỆM CỤ THỦ-KHOA NGHĨA

Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN

Cụ Thủ-khoa Nghĩa là một bậc chân nho khí-tiết ở Nam-kỳ (xin coi bài của bạn Trực-Thần nói về tiểu-sử cụ mà bản-chí bắt đầu đăng từ kỳ báo này). Bổn-phận buộc chúng ta nay cần phải tỏ lòng ngưỡng-mộ đối với nhà danh-sĩ đó.

Gánh lấy trọng-trách làm việc tu-bổ mộ cụ, Hội Khuyến-học Cần-thơ hiện đang tiến-hành công việc. Trí-Tân chúng tôi rất tán-thành cái nghĩa-cử ấy.

Đêm 29 Mai 1943, Hội Khuyến-học Cần-thơ đã làm lễ truy-niệm cụ Thủ-khoa Nghĩa để mở cuộc lạc quyên về việc xây mộ cụ Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, bạn thân của bản-chí, lấy tư-cách là Hội-trưởng Hội ấy, có đọc một bài diễn-văn khai-mạc, nguyên-văn như dưới đây:

T. T.

Thưa quan Chánh Chủ tỉnh,

Thưa Quí Quan.

Thưa Quí Bà, Quí Ông,

Hôm nay, tôi muốn cùng quí ngài nhắc lại chuyện một người xưa, chuyện một đứa con yêu quí của Tây Đô ta, đã có danh thơm lừng lẫy. Điều đó cũng chẳng khó gì. Ta hãy ngược giòng thời gian, trở lại 108 năm về trước.

Năm Ất vị (1835), vào lúc tháng hai, dưới ánh sáng của vầng thái dương nóng bức, trước cửa trường thi Gia Định, muôn ngàn nam thanh nữ tú chen chúc nhau chờ lễ xướng danh. Từ khuya, họ đã đến đó. Sự ước vọng lộ trên mặt mỗi người. Trong quán trên đường, ai ai cũng bàn về sự khó khăn của cuộc thi năm ấy.

Vì năm đó, lần đầu tiên mới có lệ « Tam Trường Thi Pháp ». Cử tử vô [illegible] nhưt với văn bát cổ về một bài truyện, một bài kinh; rồi phải qua trường [illegible] với thi và phú: thi thì dùng luật thất ngôn, phú thì theo thể nhà Minh, nhà Thanh bên Tàu. Tới [illegible], đầu đề là một đạo văn sách. Lướt qua ba bực vũ môn, kỳ phúc hạch chỉ còn một bài hạ biểu là cả đạng hóa rồng.

Đáng lẽ khoa thi phải mở vào năm Ngọ, nhưng vì bấy giờ Nam Kỳ đương ở vào lúc có loạn Lê văn Khôi, vua Minh Mạng e sĩ nhơn học tập phép thi mới chưa nhuần nên triền qua năm Mùi.

Trái tim sĩ tử đương đập mạnh. Các lòng sĩ tử đương rộn rực bồn chồn.

Bỗng đâu, kiểng và trống đua nhau dồng dạc khua lên. Rồi giữa một bầu không khí lặng lẽ nghiêm trang trong nhà Thập Đạo một đoàn lọng xanh rước các quan Giám Khảo lên đàn. Lá cờ « Khâm Sai » bay phấp phới bên tấm biển « Phụng Chỉ » dưới hai cái lọng vàng. Các quan vận đồ đại triều chia ngồi theo thứ tự. Mà họ chềm chệ làm sao! Các sĩ tử thảy đều sốt ruột. Tiếng chuông trống vừa dứt, một viên đội lệ, oai nghi trong bộ đồ nẹp đỏ, quay loa và xướng to lên:

Cử nhơn hạng đệ nhứt danh, An-giang tỉnh, Vĩnh định huyện, Bình-thủy xã, . . . BÙI HỮU NGHĨA...

Một tiếng dạ lớn nổ lên giữa đám đông. Một người chen lới trước đàn khúm núm vái chào các quan Giám Khảo đặng lãnh áo lam, mũ tím, hốt gỗ, hia cao và được rước một cách long trọng vào nhà Thập Đạo.(1)

Từ đấy, tên học trò vô danh Nghi Chi BÙI HỮU NGHĨA đã biến thành Thủ khoa NGHĨA đậu đầu sáu tỉnh với hai mươi chín cái xuân.

Mười năm đèn sách, một hội công danh. Ta hãy theo cụ Thủ khoa bước lên đường sĩ hoạn và ta hãy cùng cụ mà trổ ngóng tài hoa. Ta sẽ thấy rằng cái tiết thảo hiên ngang, cái thiên tài lỗi lạc chẳng những vẻ vang cho miền Bình thủy mà lại còn không hổ với huy hiệu « rồng vàng của xứ Đồng-Nai ».

Thủ khoa NGHĨA! Một danh sĩ đã chiếm giải khôi nguyên, làm rỡ ràng cho nơi chôn nhau cắt rún; một ông quan vì tánh cương trực, hết lòng binh vực dân đen mà nhiều khi phải bị giáng, bị cách, bị đi « quân tiền hiệu lực »: một chí sĩ ưa thanh cao, chuộng liêm khiết đã treo ấn từ quan, về nhà chỉ hai bữa rau cháo no lòng, vui cùng đạo thánh; một văn hào đã gởi hết tâm sự trong cuốn tuồng KIM THẠCH KỲ DUYÊN được người đời truyền tụng và người Pháp đem phiên dịch ra pháp văn; một thi gia đã cung hiến cho ta những vần thơ trang nhã, những bài văn tế hoặc ngộ ngộ hoặc đau thương; một nhà nho đã nêu cao tấm gương mô phạm, đã đào tạo biết bao nhân tài... Thủ khoa NGHĨA! Một danh nhân dường ấy mà sau khi nhắm mắt không có chút đất riêng để gởi nắm xương tàn, nghèo đến đổi người mà phải cầm cố đồ đạc đặng lo việc ma chay cho tròn hiếu đạo!

Ngày xưa, miền Bình-thủy đã chứng kiến đặng buổi vang trời chiêng trống, rậy đất long cờ do cả làng đi rước cụ Bùi hủ khoa vinh qui bái tổ. Ngày nay, miền Bình-thủy lại có nhiều người không biết tên biết tuổi, mà cũng không biết nằm mộ cụ nằm ở nơi nao. Khách du quan, người hiếu cổ, một phen để bước tới Cần-thơ, sau khi cung chiêm phần mộ cụ sao khỏi man mác ngậm ngùi và than như ông Lê Thọ Xuân trong bảo Mai năm nọ: « Dưới túp chuối, bên bụi môn, một núm mộ đất đỏ, một tấm bia đá xanh, cái nhà vĩnh viễn của cụ Thủ khoa chỉ có vậy. Nhờ tài ba đã được làm quan, lại vì cao tiết bỏ quan về dạy học cụ Nghi-Chi dị ngược trên đường đời nên cụ phải sống nghèo thác lạnh ».

Chính vì thế mà với mục đích khuyên nhau trau dồi học thức, bảo nhau nghiền ngẫm văn chương, lo việc phục hưng tinh thần theo tôn chỉ của quan Thống Chế PÉTAIN, hội Khuyến Học Cần-thơ nhận làm bổn phận mình việc phải nhắc nhở, phải đền ơn những ai có công với văn học giới nước nhà như cụ Thủ khoa BÙI HỮU NGHĨA.

Muốn nhắc nhở một bực đàn anh của chúng tôi ở Tây-Đô, ông Đỗ

văn Y, sẽ làm cho cụ Thủ khoa sống lại với chúng ta trong những phút thiêng liêng, huyền ảo.

Muốn đền ơn, hội Khuyến Học Cần-thơ đứng tổ chức một cuộc lạc quyên đặng sùng tu phần mộ của đấng văn hào hiếm có ấy.

Làm được việc nầy chúng tôi nhờ Quan Chánh Tham biện de Montaigut, chủ tỉnh Cần-thơ sẵn lòng cho phép mở cuộc lạc quyên và sẵn lòng tưởng lệ, nhờ Quan Đốc phủ Trần văn Mẫng và quan Phủ Nguyễn văn Tiếp khuyến khích về mặt tinh thần, nhờ cụ Hội Đồng Liên Bang Hồ văn Trung bút tự Biểu Chánh một văn sĩ trứ danh, một tiểu thuyết gia hiếm có của đất Đồng nai hết lòng ủng hộ, nhờ quan Đốc phủ Dương Thân Hỉ vui lòng cho phép vì cụ hủ khoa đang yên nghỉ trong đất ngài, nhờ các báo trong Nam ngoài Bắc hưởng ứng và tán thành. Vậy chúng tôi xin khẩn thiết khêu gợi lòng tốt của qui ông, qui bà mong qui ông qúi bà cổ động giùm chúng tôi và vừa giúp chúng tôi ít nhiều về đường tài chánh. Sau cuộc lễ truy niệm hôm nay xin qui ông qui bà giao hay gởi món tiền quyên đến cho ông TRẦN ĐẮT NGHĨA thủ bổn của Cần-thơ Khuyến Học Hội.

Thưa Qui Quan, Thưa Qui Ngài.

Hết chinh chiến thì tới thái bình, bên võ công đang còn văn trị. Kẻ chiến sĩ xông pha tên đạn mà mở mang hay gìn giữ non sông, thì nhà cầm bút kéo sạch tơ tằm, thêu dệt muôn tầm gấm vóc. Hai hạng người đó đều đáng cho ta tôn sùng kỷ niệm. Bừng con mắt ngắm cùng đất Việt bao đình, bao miếu, bao bảng son bia đá đã tỏ lòng biết ơn của con cháu Lạc Hồng. Phong trào Quốc Gia phục hưng từ Chánh Quốc đưa sang lại còn cổ võ nơi ta tấm lòng cao thượng. Nhận thấy như vậy, chúng tôi vui vẻ làm việc và chẳng những trân trọng cảm ơn Quan chủ tỉnh (bữa diễn thuyết ấy có quan chủ tỉnh đến chủ tọa), các qui ngài, và mấy bạn trong Nam-Kỳ văn-đoàn, trong tòa soạn Đại Việt tạp chí, Nam Kỳ tuần báo, Phóng Sự và Hạnh Phúc đến đây dự lễ, chúng tôi lại còn vững vàng trông mong và tin cậy nơi qui ngài.

Bác sĩ LÊ VĂN NGÔN

Hội trưởng Hội Khuyến-Học Cần-thơ

(1) Phỏng theo *lều chõng* và *bút nghiên*

Tiểu học Đông-dương

(*Tiếp theo trang 11*)

hai lớp dự bị Pháp-văn (classes préparatoires de Français), học không mất tiền. Muốn vào năm thứ nhất phải có bằng tiểu-học cả phần Pháp văn. Không có kỳ thi vào học, chỉ lấy đủ số chỗ ngồi thôi. Hết hai năm học chỉ có một tờ giấy chứng-nhận chứ không có văn-bằng gì.

Muốn lên bậc cao-đẳng tiểu-học hay vào ban trung-học phải qua một kỳ thi. Muốn thi phải đã đỗ bằng tiểu-học cả phần Pháp-văn hai năm trước nam thi, hai nam ấy dù học lớp dự-bị Pháp văn trường công trường tư hay học lấy đều được cả. Bài thi toàn Pháp-văn sẽ lấy sức học chữ Pháp của người học hết 2 nam dự-bị Pháp-văn trong trường công làm chuẩn đích.

Hiện nay, bậc tiểu-học của người Pháp đổi mới lại, cũng có 5 nam: một năm dự-bị hai nam sơ-đẳng và hai nam trung-đẳng. Hết 5 năm ấy thi bằng tiểu-học rồi vào ngay ban trung-học

Học-sinh an-nam, hết 5 nam, đỗ bằng tiểu-học, phải để 2 năm luyện Pháp-văn rồi mới vào ban trung-học là hợp lẽ phải lắm rồi. Bậc học này có giá-trị tương-đương với bậc học cùng tên ở Pháp; vậy học- inh an-nam, bắt đầu học bằng tiếng bản-xứ, thời-hạn 7 năm, sẽ đuổi kịp học-sinh Pháp để theo những chương-trình học gần giống nhau và dùng chung những sách giống nhau.

Các ngài nghe tôi trình-bầy những chi tiết rõ ràng như vậy hẳn đã nhận thấy đều này: chữ quốc-ngữ sẽ có một địa-vị rất quan-trọng trong nền tiểu-học đổi mới như thế. Và có như thế thì nền học phổ-thông mới thật hoàn-toàn.

Hiện nay, chính-phủ đã cho ta ba nam học bằng quốc-ngữ; nhưng cái học-thức thâu-nhận được sau ba năm ấy thật quá sơ-sài; mà muốn học thêm chút nữa thì đã phải soay sang chữ Pháp rồi.

Ta nên nhớ rằng cái chế-độ hiện-hành là do nghị-định năm 1924 mà ra. Ngót 20 năm ấy, dân-tộc xứ này đã tiến-bộ được kha nhiều, về tinh-thần cũng như về vật-chất. Vậy riêng về chuyện học hành, không lẽ không tiến được tí nào chăng? Cái học thức phổ-thông mà 20 năm trước đây chính-phủ cho rằng chở 3 nam là đủ, thì ngày nay có mở rộng thêm ra 2 nam nữa cũng không phải là quá đang gì.

Tôi rất mong rằng đến năm 1944 này, để kỷ niệm nhị thập chu niên chế-độ 1924, chính-phủ sẽ ban-hành cho ta một nền học phổ-thông 5 năm học bằng quốc-ngữ, có thêm khoa Pháp-văn ở 3 nam sau, và tiếp theo bằng 2 nam học toàn tiếng Pháp. NGUYỄN NHÂN

Phê bình quảng cáo

(*Tiếp theo trang 19*)

thịnh hành lúc này nữa là khác!

« Mong anh tin ở những tình cảm tốt đẹp nhứt của tôi ».

Xem hai bức thơ trên, ta thấy nhà xuất bản bao giờ cũng có đủ mánh khóe khôn khéo để bát bình giả làm việc quảng cáo không công cho mình

Vậy muốn tránh các nhà phê bình quảng cáo, hãy biết kể tội những tác giả, những nhà xuất bản trước đã! Vì chính họ dùng nhiều mưu chước khôn lường được để đưa các nhà phê bình đi vào con đường lầm lỗi, thiên thu bị nghệ thuật kết án! KIỀU-THANH-QUẾ

(1) Đoạn nay trích sách *phê bình văn học*, trang 24 2.

(2) Hoa-Bằng! « *Vài cái liệt điểm của nhà văn ta* », Tri Tân số 54, ngày 14 7-1942.

(3) Xem *conferencia* số 1, ngày 15-12-1933.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 21

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Ái-Thi và Ái-Nhạc ghê tởm cùng kêu lên một tiếng thét-lẹt :

— Trời !

Tiếng kêu ấy và hơi nặng mùi của Đặng-Lân làm cho Quỳnh-Hoa choàng tỉnh dậy. Nàng kinh hãi, cố cựa cho thoát hai cánh tay sắt, mặt thì cố quay đi để khỏi chịu những cái hôn ô-uế. Thấy sức mình yếu quá vừa ghê vừa tủi, nàng bỗng oà lên khóc và gọi :

— Phụ-vương ơi ! Phụ-vương ơi !

Đặng-Lân lại càng giữ chặt lấy Quận-chúa, nói một cách thô-bỉ :

— Ái-nương ơi ! Ái-nương hãy tỉnh để vợ chồng ta ân ái. Bấy lâu nay, tôi thầm mong trộm nhớ ái nương, nay mới được thỏa lòng ao ước. Ái-nương không sợ, phụ-vương yêu ái-nương bao nhiêu, tôi cũng yêu ái-nương bấy nhiêu. Ái nương nên yên tâm, ta cùng nhau ân ái.

Bị ghì chặt quá, Quận-chúa cau mặt se-sẽ nói :

— Ông bỏ tôi ra, tôi không chịu được, chết mất !

Đặng-Lân cười ngất và nói :

— Ồ hay, ái-nương lạ lùng thực. Sao lại gọi tôi là ông ? Tôi là chồng ái-nương, tôi là con rể Chúa thượng. Ái-nương phải gọi tôi là phò-mã chứ.

Quận chúa van lơn :

— Ông bỏ tôi ra đã, bỏ tôi ra.

Ái-Thi và Ái-Nhạc trước tình-cảnh ấy, không cầm lòng được, chạy lại run run thưa :

— Phò-mã nên nới tay. Quận-chúa ốc yếu, sợ không chịu nổi, thì khốn [illegible].

Đặng-Lân nhìn hai đứa thị-tỳ, [illegible]-tỉm cười :

— Đứa ở nhà chúa, thảm nào cũng [illegible]h lươi cả. Đàm cưới của ta thực [illegible] nhất cử lưỡng tiện. Hai em đến đây cho vui.

Hai đứa thị-tỳ thất-kinh, đồng thanh nói :

— Sao phò-mã lại ăn nói thế ?

Quận-chúa ghê tởm vì nhời nói sống sượng của Đặng-Lân. Nàng nghĩ : Sao trời lại sinh ra được những giống vô-lại ấy ? Nàng hết sức cựa, chỉ mong thoát ra là chạy đến cửa sổ nhảy xuống dưới lầu cho rồi kiếp. Nước mắt long-lanh trên má. Đặng-Lân lấy bàn tay chùi nước mắt cho nàng. Quận-chúa ẩy cái bàn tay phàm-phũ và giết người ấy ra, rồi nói một cách giận-dữ :

— Bỏ ra, bỏ ra, bỏ tôi ra ! Trời ơi là trời !

Nàng vùng vẫy, Đặng Lân phải bỏ tay ra. Quận-chúa đứng dậy xăm xăm chạy ra cửa sổ, định lao mình xuống sân gạch dưới chân lầu. Nàng bỗng trố mắt, lùi lại, tay phải vịn vào bao-lơn, lảo đảo không sao đứng vững. Ở dưới sân, một tiếng kêu vọng lên :

— Quỳnh-Hoa !

Nàng cũng kêu một tiếng vừa vui mừng vừa kinh hãi :

— Bảo-Kim !

Đặng-Lân đã tới cửa sổ, hắn cũng trố mắt ra nhìn một cảnh-tượng lạ-lùng : Bầy anh em Bảo-Kim và Dương tuấn-nghiệp bị trói giật khủy tay ra đằng sau, do bọn Hồ trọng-Vũ dẫn tới chân lầu. Thấy Đặng-Lân Hồ trọng-Vũ thưa :

— Thưa cậu, tám tên này định làm điều chi ám muội. Sáu đứa lọt vào trong phủ, hai đứa ở ngoài, lảng-vảng quanh lầu Quận-chúa. Sáu đứa ở trong, chúng con bắt được từ tang-tảng sáng ; hai đứa ở ngoài, chúng con vất vả mới đuổi kịp và vừa giải về đây, đợi cậu phát-lạc.

Lân đẩy Quận-chúa ra bên cạnh, nhô đầu qua cửa sổ. Hồ trọng-Vũ lại tiếp :

— Thưa cậu chúng giắt cả dao, cả thừng, cả cưa, không thiếu thứ gì.

— Được lắm. Chúng bay còn nhớ những đứa này không ?

— Thưa cậu nhớ, đấy là những đứa dám chống cự lại cậu đêm hội Long-trì.

— Phải rồi, thằng Bảo Kim là đầu sỏ. Ta chưa kịp hỏi tội chúng, chúng lại đến đây chịu tội. Hãy đánh cho chúng một trận bò lê kéo càng đã. Chúng cả gan thực, nho-sĩ chi mà lại làm nghề đào tường khoét vách. Bảo-Kim mày đến đây làm gì ?

— Tao đến để giết mày, giết một đứa đại dâm đại ác.

— Còn những tên kia ?

— Chúng tao đến để giết mày, trừ hại cho nhân dân.

— Chúng bay giỏi ! Chúng bay muốn chết thì được chết. Khi xưa ta đánh chết người không có tội, huống chi ngày nay. Giết hết lũ hủ nho cho sạch mắt. Chúng bay đã không muốn cung xưng, thì tao cho xưng một thể... Đem chầy sắt ra nện vỡ đầu gối chúng nó cho tao !

Quận chúa vẫn đứng sau Đặng-Lân, nhìn ra, hai hàng lệ ròng ròng. Cốt cách thanh kỳ của Bảo Kim và các bạn chàng tương phản một cách rõ rệt với dáng dấp thô-bạo của thầy trò Đặng-Lân. Đỗ-tuấn-Giao còn tươi cười nói chuyện với các bạn, ung dung rõ ra người đại trượng-phu : uy-vũ bất năng khuất. Nàng lấy làm phiền rằng những trang phong lưu mặc-khách kia chỉ vì nàng mà mang lụy. Nàng ghê sợ cho đời họ, và đột nhiên lòng yêu Bảo Kim mà bấy lâu nàng vẫn cô nén nay bỗng dậy lên, bội phần mãnh liệt...

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

PHỔ-THÔNG CHUYÊN-SAN

Kể từ 1er Juillet, Phổ-Thông Bán-Nguyệt-San ra thêm một loại mới, mỗi tháng một Chuyên San văn học, sử học, hay triết học. Mục đích là gây dựng một kho tài liệu thiết yếu cho tủ sách người học thức.

Chương-trình biên-tập

Những chuyên-san phổ-thông văn-học

Đem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình biên tập tiểu truyện của tác giả, nếu có thể lại soạn cả niên phổ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà, lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tôn, Trạng Trình, Lê Quí Đôn, Chiêu Hổ, Lý Phức, Đoàn Thị Điểm, Thanh quan v. v. và ở Tàu như : Tào Thực, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Xương Lê, Tô Đông Pha, Lương Khải Siêu, Hồ Thích v. v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn đề văn học, phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

Những chuyên-san phổ-thông sử học

Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như : Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến chương, Lê triều dã sử, Lê quí kỷ sử, Cố Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê ngọc Phổ, Trình gia thế phổ, Gia định thông chí, Thoái thực kỷ văn, Bắc hạnh lược ký, Phủ biên lục, Kiến văn tiểu học vân vân...

Viết những lịch-sử ký sự, danh-nhân truyện-ký, hoặc soạn những tập sử từng triều-đại một — Cũng có thể đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích cố giúp ích cho sử học.

Những chuyên-san phổ-thông triết học

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình, các ngành triết học cả đông và tây, khảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.

Chương trình biên tập, trên đây sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong các bậc tri thức cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có hạn, mà tài lực của chúng tôi cũng có hạn, cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu qui một tập chuyên-san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá bán cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như về việc định giá, chúng tôi chỉ ước ao làm vừa lòng các Ngài về giá-trị chuyên-san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. B. N. S.

Xin chú ý — *P. T. B. N. S* lớp cũ *(tiểu thuyết) vẫn ra, nhưng mỗi tháng chỉ in một tập, đẹp hơn trước, tiểu thuyết chọn lọc rất kỹ, toàn là những tác phẩm hay, có giá trị chắc chắn.*

Những chuyên san dự ước xuất bản trong 1943

Juillet : **LỤC VÂN TIÊN DẪN GIẢI**
của Đinh Xuân-Hội (200 trang 1$50)

Août : **TRẦN THỦ ĐỘ**
Danh nhân truyện ký của Trúc-Khê (0$80)

Sept. : **TRƯƠNG VINH KÝ**
Khảo cứu của Lê-Thanh (0$80)

Oct. : **KHỔNG GIÁO LẤY GÌ LÀM CỐT TỬ ?** *Khảo cứu* của Mai Đăng-Đệ

Nov. : **QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI**
của Nguyễn Đỗ-Mục

Déc. : **BA LOẠI VĂN**
Biên khảo của Vũ Ngọc-Phan

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nựu
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire
Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi

Đã có bán

ÓC KHOA HỌC

CUỐN ĐẦU TRONG BỘ
SỨC KHỎE TINH THẦN
của P. N. KHUÊ
Giá 2$20

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác-giả bộ « *Sức khỏe mới* » dẫn các bạn đi tìm Óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống phiền-tạp ngày nay.

Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0$40 đảm bảo về ông giám đốc.

HAN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 Tiên Tsin — Hanoi

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ,
MỘT THÀNH-NGỮ,
MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ HỌC
của cụ Lại Bộ PHẠM QUỲNH

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách* và *nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC
Sách khổ rộng 16×25 ngót 400 trang
Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10% cước phí không phải chịu.
Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20% cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :
Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi